

CHƯƠNG TRÌNH
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

- Thời gian : 8h00, ngày 13/04/2023
- Địa điểm : Phòng họp PTSC Quảng Ngãi
Lô 4H, Đ. Tôn Đức Thắng, P. Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi.

Stt	Chương trình và nội dung	Thực hiện	Thời gian
I. Thủ tục khai mạc			
1.	Đón tiếp cổ đông, khách mời, phát thẻ biểu quyết, ổn định tổ chức.	Ban tổ chức	7h30-8h05
2.	Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời.		
3.	Kiểm tra tư cách cổ đông.	Tổ kiểm tra	8h05-8h15
4.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.	Ban tổ chức	8h15-8h20
II. Nội dung cuộc họp			
1.	Phát biểu khai mạc cuộc họp.	Đoàn chủ tịch	8h20-8h35
2.	Thông qua Quy chế cuộc họp, Chương trình cuộc họp.		
3.	Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu và thể lệ biểu quyết.	Ban kiểm phiếu	8h35-8h45
4.	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	Đoàn chủ tịch	8h45-9h00
5.	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.		
6.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	Ban kiểm soát	9h00-9h15
7.	Tờ trình về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.		
8.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.	Đoàn chủ tịch	9h15-9h30
9.	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023.		
10.	Tờ trình về việc ký kết hợp đồng với Người có liên quan.		
11.	Tờ trình về công tác nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.		
12.	Tờ trình về việc chi trả thù lao và chi phí hoạt động cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023.		
13.	Cuộc họp thảo luận các nội dung 4-12.	Đoàn chủ tịch	9h30-10h00
14.	Quý cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung 4-12.	Đoàn chủ tịch	10h00-10h15
15. Nghỉ giải lao (15 phút)			
16.	Phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty PTSC.	Lãnh đạo TCT	10h30-10h35
17.	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.	Ban kiểm phiếu	10h35-10h45
III. Kết thúc cuộc họp			
1.	Thông qua dự thảo nghị quyết cuộc họp.	Ban thư ký	10h45-10h55
2.	Phát biểu tổng kết, bế mạc cuộc họp.	Chủ tịch HĐQT	10h55-11h00

**TM. BAN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trần Toàn

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020; các quy định pháp luật liên quan, theo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC phải mặc trang phục lịch sự, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đã quy định, tuyệt đối tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc để chế độ im lặng.

II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI CUỘC HỌP:

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự họp muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đoàn Chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá **5 phút/một lần**.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ

1. **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết **công khai** của tất cả cổ đông bằng **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết ngay khi làm thủ tục đăng ký



cổ đông dự họp, trong đó có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, và các nội dung cần biểu quyết.

2. Hình thức biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết** (giấy màu xanh) và đồng thời cho ý kiến bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông: “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với tất cả các nội dung trong **Phiếu biểu quyết** (giấy màu vàng). Sau khi kết thúc tất cả các vấn đề cần biểu quyết, Ban tổ chức sẽ thu lại **Phiếu biểu quyết** của cổ đông để kiểm phiếu, thông báo kết quả chính xác cuối cùng.
- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** phải được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và có đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông đối với tất cả các vấn đề cần biểu quyết và có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ** là Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC hoặc không đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông tại tất cả các vấn đề cần biểu quyết hoặc đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô vuông tại một vấn đề cần biểu quyết hoặc không có chữ ký trên Phiếu biểu quyết.

3. Tỷ lệ biểu quyết thông qua các vấn đề:

Các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình họp Đại hội đồng cổ đông.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ CUỘC HỌP:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề đệ trình tại cuộc họp.
2. Nhanh chóng công bố kết quả biểu quyết cho cuộc họp.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Quy chế liên quan đến vấn đề biểu quyết hoặc các khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**TM. BAN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Trần Toàn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/BC-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Thực hiện các quy định tại Điều lệ Công ty, Nghị quyết số 26/NQ-DKQN-HĐQT, ngày 15/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị kính báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại gồm các thành viên sau:

- | | |
|-------------------------|---------------|
| 1. Ông Nguyễn Trần Toàn | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Dương Hùng Văn | Thành viên |
| 3. Ông Phạm Văn Hùng | Thành viên |

II. CÁC CÔNG VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022

1. Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn. Dịch bệnh Covid-19, chính sách zero covid của Trung Quốc và chiến tranh giữa Nga và Ukraine đã tác động trực tiếp, gián tiếp đến nền kinh tế toàn cầu và đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, làm gia tăng lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu, cũng như làm gia tăng tính cạnh tranh. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị Công ty và sự nỗ lực của toàn thể Người lao động, Công ty đã từng bước vượt qua những khó khăn và đạt được một số kết quả như sau:

- Tổng doanh thu: 1.055,71 tỷ đồng (trong đó doanh thu từ hoạt động SXKD: 1.050,32 tỷ đồng) đạt 142,28% so với kế hoạch đề ra (742 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế: 26,34 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 21,05 tỷ đồng
- Tổng số thuế và các khoản phải nộp NSNN: 11,14 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân người lao động: 16,3 triệu đồng/tháng/người

(Số liệu lấy theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán phê duyệt, chi tiết thể hiện trong Báo cáo hoạt động SXKD và Tờ trình phân phối lợi nhuận).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác thanh quyết toán Hợp đồng EPC - Dự án Bio Ethanol Dung Quất vẫn chưa được giải quyết xong.

2. Công tác bổ nhiệm nhân sự và kiện toàn cơ cấu tổ chức

- Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã xem xét chủ trương về công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty theo đúng quy định hiện hành. Cụ thể như sau:
 - Đã thực hiện bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty; chấp thuận cho thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty; bổ nhiệm 01 Giám đốc Công ty.
 - Chấp thuận cho thôi giữ chức vụ Đội trưởng Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất; bổ nhiệm Đội trưởng Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất.
- HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo việc tập trung kiện toàn và cải tiến hệ thống quản lý, sử dụng và khai thác triệt để nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD, đặc biệt là triển khai thực hiện Dự án để đem lại hiệu quả cao nhất.

3. Công tác đầu tư

- Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện công tác đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị, cơ sở vật chất và cơ bản đáp ứng nhu cầu thực tế. Với Tổng giá trị đầu tư thực hiện là 12,95 tỷ đồng và đạt 7,79% so với kế hoạch đề ra (166,23 tỷ đồng).
 - Các hạng mục đã hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng trong năm 2022 (tổng giá trị giải ngân là 5,38 tỷ đồng): 01 xe 47 chỗ, 01 SMRM lùn 7 trục, 01 máy biến áp 560KVA.
 - Các hạng mục đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2023: 01 máy lốc tôn, 01 SMRM sàn 3 trục, Khu Dịch vụ cơ khí Dầu khí Dung Quất (13,4ha).
 - Các hạng mục đã đề xuất xin chuyển sang đầu tư trong năm 2023: 01 bộ máy siết đai ốc thủy lực 5.000 Nm và 10.000Nm, 01 xe cầu bánh lốp sức nâng 200-300 tấn, 02 xe đầu kéo 3 trục, 01 máy phay CNC 3 trục, nhà để xe cơ giới, nhà kho Cảng Dung Quất.
 - Các dự án đang tạm dừng và xin cắt giảm: Xưởng gia công chế tạo thiết bị (vị trí xây dựng dự kiến khi lập kế hoạch không đáp ứng được các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn về PCCC hiện hành), Cầu trục dầm đôi 20T; Cầu trục dầm đơn 5T (vì 02 Cầu trục này dùng để lắp đặt trong Xưởng Gia công chế tạo thiết bị).

4. Công tác ban hành các văn bản, quy chế quản lý doanh nghiệp

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp làm việc và phát hành 13 phiếu lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 18 văn bản trong đó có 05 Nghị quyết, 13 Quyết định và các văn bản khác để quản lý các hoạt động của Công ty, cụ thể:
 - HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp để chỉ đạo thực hiện việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, kết quả Đại hội đồng cổ đông, công tác đầu tư (2) và lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện việc soát xét BCTC năm 2022;
 - HĐQT đã tổ chức 13 đợt lấy ý kiến bằng văn bản để chấp thuận việc ký kết hợp đồng với Người có liên quan, phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, bổ nhiệm nhân sự (3), thôi giữ chức vụ đối với cán bộ quản lý của Công ty (2); phê duyệt văn bản liên quan đến công tác đầu tư năm 2022; phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của Công ty; phê duyệt Danh sách tài sản thế chấp (2).

- Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo việc thực hiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp mở rộng Xưởng cơ khí, Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất nhằm mục đích phục vụ kịp thời các nhu cầu công việc, tăng thêm năng lực và đón đầu các cơ hội mới; Luôn sâu sát và chỉ đạo kịp thời đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Chỉ đạo thường xuyên về việc duy trì công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn bộ cán bộ công nhân viên trong các Bộ phận trực thuộc Công ty.

(Kèm theo Phụ lục 1: Danh sách các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT năm 2022)

- 5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch**
- Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (thuộc thẩm quyền của HĐQT) đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Bên cạnh đó, không có phát sinh các giao dịch với Người có liên quan có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).

(Kèm theo Phụ lục 2: Danh mục các giao dịch với người có liên quan năm 2022)

6. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

- Thù lao của HĐQT Công ty năm 2022 được trả theo Nghị quyết số 26/NQ-DKQN-HĐQT, ngày 15/04/2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp, cụ thể: mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/người/tháng và Thành viên HĐQT là 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Tổng thù lao của HĐQT năm 2022 là 132.000.000 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân) cho 03 Thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có 01 Thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm), cụ thể cho từng thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	TỔNG THU NHẬP (VNĐ)	Tiền lương ⁽¹⁾ (VNĐ)	Thù lao ⁽¹⁾ (VNĐ)	Các khoản ⁽²⁾ lợi ích khác (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6+7+8)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch HĐQT	12	60.000.000		60.000.000	
2	Phạm Văn Hùng (*)	Thành viên HĐQT, Giám đốc	12	784.344.182	739.391.182	36.000.000	8.953.000
3	Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	12	36.000.000		36.000.000	

(*): Là Thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm)

- Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2022: Áp dụng theo định mức của Công ty và tuân thủ quy định hiện hành.
- Đề xuất mức thù lao năm 2023 không thay đổi so với năm 2022.

7. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc và Người điều hành khác

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã thực hiện việc giám sát, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Ban Giám đốc và người điều hành theo đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty qua các cuộc họp trực tiếp/trực tuyến, các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Công ty và hệ thống các báo cáo (Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, các báo cáo kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty);
- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức làm việc trực tiếp theo chuyên đề, dự án quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết với Người có thẩm quyền của Công ty để kịp thời đưa ra chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động trong toàn Công ty tuân thủ pháp luật, Nghị quyết cuộc Họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã ban hành.
- Bên cạnh đó, để tăng cường công cụ hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết liệt chỉ đạo thường xuyên rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các định mức, các quy định phù hợp với quy định của Nhà nước, quản trị doanh nghiệp và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị với 03 thành viên đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình, giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám đốc Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu hoạt động SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao.

Đánh giá cụ thể từng thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Ông Nguyễn Trần Toàn:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao theo kế hoạch năm, đảm bảo thời gian và chất lượng công việc;
- Luôn gương mẫu, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ cương, kỷ luật; nội quy, quy chế của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; lễ lồi làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực.

2. Ông Dương Hùng Văn:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao theo kế hoạch năm, đảm bảo thời gian và chất lượng công việc;
- Luôn gương mẫu, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ cương, kỷ luật; nội quy, quy chế của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; lễ lối làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực.

3. Ông Phạm Văn Hùng:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao theo kế hoạch năm, đảm bảo thời gian và chất lượng công việc;
- Luôn gương mẫu, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ cương, kỷ luật; nội quy, quy chế của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; lễ lối làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực.

IV. NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2023

HĐQT chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	147,07
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	95,19
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	900,00
+	Doanh thu hoạt động SXKD	Tỷ đồng	899,00
+	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,50
+	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,50
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,60
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (LNST/VĐL cuối kỳ)	%	7,20
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	-
7	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB	Tỷ đồng	178,09
8	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	10,5

Để đạt được các chỉ tiêu như trên, Hội đồng quản trị đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2023 như sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt và sâu sát hơn nữa, cùng BGD Công ty giải quyết các vấn đề tồn đọng của Công ty trong năm 2022 và đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023;
2. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, phối hợp với các Bên liên quan để giải quyết dứt điểm các tồn đọng của Dự án Nhà máy NLSH Bio-Ethanol Dung Quất, Dự án NMNĐ Long Phú;
3. Tiếp tục quan tâm, hỗ trợ và kiến nghị Tổng công ty về công tác đầu tư để nâng cao năng lực Cảng, BDSC và gia công chế tạo xuất khẩu;
4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với quy định của pháp luật;
5. Giữ vững và duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty như: dịch vụ khai thác Cảng và logistics; dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí; dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa NMLD Dung Quất; dịch vụ gia công chế tạo và xây lắp các công trình công nghiệp. Trong đó, tập trung phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo cơ khí xuất khẩu;
6. Tiếp tục quan tâm và chỉ đạo công tác tái cấu trúc nhân sự; công tác số hóa và chuyển đổi số cho Công ty;
7. Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý cấp cao, nguồn nhân lực quản lý cấp trung, nguồn nhân lực quản lý Dự án và nguồn nhân lực kiểm soát chất lượng;
8. Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp đặc sắc PTSC được thể hiện trên các khía cạnh của Công ty như đạo đức, lối sống, tinh thần, trách nhiệm công việc, trách nhiệm xã hội, uống nước nhớ nguồn,... nhằm tạo môi trường làm việc đoàn kết, năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, nhân ái.
9. Tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh các phong trào thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật, kết hợp với chính sách khen thưởng kỷ luật, nhằm không ngừng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong công việc.
10. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

V. KẾT LUẬN

- Trước những mục tiêu, cơ hội và khó khăn, thách thức trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty cùng với toàn thể CBCNV sẽ tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, quyết tâm, phát huy tối đa trí lực của cả tập thể để thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao và đảm bảo cho Công ty phát triển bền vững, mạnh và nhanh trong thời gian đến.
- Hội đồng quản trị Công ty rất mong tiếp tục được sự quan tâm ủng hộ, chỉ đạo của Ban lãnh đạo Tổng công ty và các Quý Cổ đông để giúp cho Công ty đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra trong năm 2023.
- Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Tổng công ty;
- Ban KS; Các Bộ phận;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trần Toàn

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

I. Thống kê tham dự cuộc họp của các Thành viên Hội đồng quản trị năm 2022

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp và lấy ý kiến của HĐQT tham dự		Tỷ lệ tham dự họp/Cho ý kiến	Lý do
				Họp thường kỳ và đột xuất	Lấy ý kiến bằng văn bản		
1	Ông Nguyễn Trần Toàn	CT. HĐQT	- 17/05/2021 (bầu lại CT.HĐQT). - 19/12/2010 (bầu CT.HĐQT lần đầu).	5/5	13/13	100%	
2	Ông Dương Hùng Văn	TV. HĐQT	- 16/04/2021 (bầu lại TV HĐQT). - 19/12/2010 (bầu TV HĐQT lần đầu).	5/5	13/13	100%	
3	Ông Phạm Văn Hùng	TV. HĐQT/ GDCT	- 15/04/2022 (bầu lại TV HĐQT). - 04/04/2012 (bầu TV HĐQT lần đầu) - 20/9/2016 (bổ nhiệm lại GD) - 09/01/2012 (bổ nhiệm GD lần đầu)	5/5	13/13	100%	

II. Danh mục các Nghị quyết/Quyết định được Hội đồng quản trị ban hành năm 2022

Stt	Ngày phát hành	Loại văn bản	Số hiệu văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	28/02/2022	Quyết định	06/QĐ-DKQN-HĐQT	Quyết định về việc phê duyệt Quỹ lương năm 2021	100%
2	28/02/2022	Nghị quyết	08/NQ-DKQN-HĐQT	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	100%

3	15/04/2022	Nghị quyết	26/NQ-DKQN- HDQT	Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
4	28/04/2022	Quyết định	43/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	100%
5	28/04/2022	Nghị quyết	44/NQ-DKQN- HDQT	Nghị quyết về việc xin chủ trương chi tiền giải phóng mặt bằng cho Dự án Khu Dịch vụ cơ khí Dầu khí Dung Quất của Công ty Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	100%
6	07/07/2022	Quyết định	50/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc chấp thuận ký kết hợp đồng với Người có liên quan	100%
7	22/07/2022	Nghị Quyết	52/NQ-DKQN- HDQT	Nghị quyết về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%
8	25/07/2022	Quyết định	59/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty	100%
9	01/10/2022	Quyết định	69/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc thôi giữ chức vụ đối với cán bộ quản lý	100%
10	06/10/2022	Quyết định	72/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc bổ nhiệm Cán bộ quản lý	100%
11	21/10/2022	Quyết định	75/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án đầu tư	100%
12	16/12/2022	Quyết định	84/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc phê duyệt Danh sách tài sản thế chấp để thế chấp vay	100%
13	16/12/2022	Quyết định	85/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc phê duyệt Danh sách tài sản thế chấp để mở bảo lãnh	100%
14	22/12/2022	Quyết định	89/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022	100%
15	30/12/2022	Nghị Quyết	94/NQ-DKQN- HDQT	Nghị Quyết về việc xem xét Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án đầu tư	100%
16	30/12/2022	Quyết định	95/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty	100%

17	30/12/2022	Quyết định	96/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty	100%
18	31/12/2022	Quyết định	101/QĐ-DKQN- HDQT	Quyết định về việc phê duyệt mức lương cho Giám đốc Công ty.	100%

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2022

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính	Hợp đồng/ Giao dịch với Người có liên quan						Ghi chú	
			Số Hợp đồng	Thời điểm ký Hợp đồng	Số lượng Giao dịch/ Hợp đồng	Giá trị Giao dịch/ Hợp đồng (VNĐ - chưa VAT)	Loại Hợp đồng	Giá trị thực hiện (VNĐ - chưa VAT)		Số văn bản phê duyệt
I	2	6	9	10	11	12	13	14	15	
A	Tổ chức									
I	Hợp đồng mua									
II	Hợp đồng bán									
1	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	57-2022/PTSC-QN/BDV	11/07/2022	1	38.468.141.092	Hợp đồng thương mại - Cung cấp thiết bị và thi công xây lắp công trình Kho xăng dầu Vũng Rô	Đang triển khai thực hiện	50/QĐ-DKQN-HĐQT ngày 07/07/2022	
*	Tổng Hợp đồng bán				1					
**	Tổng cộng				1					
B	Cá nhân									Trong năm 2022 không phát sinh Giao dịch/Hợp đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42 /BC-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD) NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty, tôi xin báo cáo về tình hình hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

PHẦN I.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022

1. Tình hình chung

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn. Dịch bệnh Covid-19, chính sách zero covid của Trung Quốc và chiến tranh giữa Nga và Ukraine đã tác động trực tiếp, gián tiếp đến nền kinh tế toàn cầu và đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, làm gia tăng lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu, cũng như làm gia tăng tính cạnh tranh. Những khó khăn trên đã trực tiếp, gián tiếp tác động tiêu cực đến các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công và hiệu quả của Dự án Long Sơn vì công tác thiết kế, mua sắm của Tổng thầu bị kéo dài và nguồn lực lao động biến động lớn, chờ việc do giãn cách dịch Covid-19.
- Ảnh hưởng đến việc xuất khẩu hàng hóa qua Cảng vì chi phí logistics tăng cao, chính sách zero covid của Trung Quốc.
- Nhiều dự án giãn, dừng vì khó khăn về tài chính.
- Ảnh hưởng đến hiệu quả chung của Công ty vì chi phí đầu vào tăng cao.

Bên cạnh những khó khăn nêu trên, Công ty của chúng ta cũng có những thuận lợi trong lĩnh vực tàu dịch vụ, gia công chế tạo xuất khẩu, BDSC, hoàn thành Dự án LNG Thị Vải, tìm kiếm thêm được việc làm mới trong lĩnh vực gia công, xây lắp. Đặc biệt là tinh thần làm việc hăng say, đầy trách nhiệm của tập thể CBCNV Công ty và sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Quý Lãnh đạo Tổng công ty.

2. Kết quả đạt được trong năm 2022

2.1. Kết quả tổng hợp

Một số kết quả nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 như sau:

- a. Về an toàn: Đạt 3,2 triệu giờ an toàn.
- b. Tổng doanh thu: Đạt 1.055,71 tỷ đồng, vượt 42,28% so với kế hoạch được giao.
- c. Lợi nhuận trước thuế: Đạt 26,34 tỷ đồng, vượt 1,70% so với kế hoạch được giao.
- d. Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 16,30 triệu đồng/người/tháng, vượt 16,43% so với kế hoạch đề ra.

Chi tiết như Bảng 1 bên dưới.

Bảng 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Khoản mục	ĐVT	TH 2021	2022		So với KH2022 (%)	So với TH2021 (%)
				KH	TH		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	849,12	742,00	1.055,71	142,28	124,33
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	Tỷ đồng	847,74	740,00	1.050,32	141,94	123,90
-	<i>Dịch vụ căn cứ Cảng và logistics</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>148,73</i>	<i>135,00</i>	<i>136,15</i>	<i>100,86</i>	<i>91,55</i>
-	<i>Dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>190,91</i>	<i>175,00</i>	<i>230,73</i>	<i>131,85</i>	<i>120,86</i>
-	<i>Dịch vụ BDSC và cung cấp vật tư thiết bị</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>50,92</i>	<i>70,00</i>	<i>136,44</i>	<i>194,91</i>	<i>267,95</i>
-	<i>Dịch vụ gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>93,23</i>	<i>160,00</i>	<i>212,56</i>	<i>132,85</i>	<i>228,00</i>
-	<i>Dịch vụ xây lắp công trình công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>363,95</i>	<i>200,00</i>	<i>334,44</i>	<i>167,22</i>	<i>91,89</i>
1.2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	1,26	1,00	2,68	268,00	212,70
1.3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,12	1,00	2,71	271,00	2.258,33
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24,93	25,90	26,34	101,70	105,66
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,77	20,72	21,05	101,59	106,47
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	22,16	25,68	11,14	43,38	50,27
5	Đầu tư XD CB và mua sắm PTTB	Tỷ đồng	6,76	166,23	12,95	7,79	191,57
6	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đ/thg/người	15,18	14,00	16,30	116,43	107,38

2.2. Kết quả chi tiết từng loại hình Dịch vụ

a. Dịch vụ Cảng và logistics

Do ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão lớn vào cuối năm 2020 nên đa số vùng nguyên liệu dăm gỗ bị tàn phá nặng nề. Vì vậy, sản lượng dăm gỗ năm 2022 trở nên khan hiếm và lượng hàng dăm gỗ xuất qua Bến số 1 - Cảng Dung Quất giảm đáng kể. Đồng thời, cuộc chiến giữa Nga và Ukraine cũng làm gia tăng chi phí vận chuyển, dẫn đến các Khách hàng của PTSC Quảng Ngãi khó thuê được tàu phù hợp. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xuất khẩu dăm gỗ của Khách hàng.

Ngay từ đầu năm, nhận thấy được những thực trạng và khó khăn đó, PTSC Quảng Ngãi chủ động tìm kiếm thêm các mặt hàng mới, các dịch vụ mới để cung cấp cho Khách hàng nhằm thay thế cho sản phẩm dăm gỗ, soda. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện xuất sản

phẩm Semitrailers cho khách hàng qua Cảng Dung Quất. Với mặt hàng này, tuy khối lượng thấp nhưng giá thành dịch vụ cung cấp cao hơn dăm gỗ nên cũng bù đắp được phần nào doanh thu thiếu hụt do các mặt hàng chủ lực bị giảm sút. Ngoài ra, PTSC Quảng Ngãi còn tích cực phối hợp với BSR để cung cấp dịch vụ Cảng cho các Khách hàng. Nhờ vậy, doanh thu Dịch vụ Cảng đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Chi tiết về kết quả Dịch vụ Cảng và logistics như Bảng 2 bên dưới.

Bảng 2. Kết quả của Dịch vụ Cảng & logistics năm 2022

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	2022		So với KH2022 (%)	So với TH2021 (%)
				KH	TH		
1	Tổng hàng hoá qua Cảng	Tấn	2.674.461	2.700.000	2.404.130	89,04	89,89
1.1	Dăm gỗ	Tấn	2.122.557	2.000.000	1.122.285	56,11	52,87
1.2	Đá bụi	Tấn	239.601	480.000	937.479	195,31	391,27
1.3	Soda	Tấn	100.786	100.000	72.471	72,47	71,91
1.4	Semitrailers	Tấn	-	-	29.773	-	-
1.5	Khác	Tấn	211.517	120.000	242.122	201,77	114,47
2	Doanh thu	Tỷ đồng	148,73	135,00	136,15	100,86	91,55

b. Dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí

Với mục tiêu tiếp tục duy trì ổn định, an toàn dịch vụ tàu lai dắt, tàu chuyên ngành dầu khí và dịch vụ trực ứng phó sự cố tràn dầu cho NMLD Dung Quất; đồng thời khai thác tối đa đội tàu khi nhàn rỗi, trong năm 2022, PTSC Quảng Ngãi đã tích cực thực hiện các giải pháp đề ra như: duy trì thực hiện tốt dịch vụ cho BSR đảm bảo an toàn tuyệt đối; tiếp tục bám sát và cung ứng tàu lai cho DQS và các Tàu thương mại cập/rời các Cảng trong khu vực; tăng cường chào thầu để thực hiện các Đơn hàng khảo sát hàng năm hệ thống đường ống SPM cho BSR; tăng cường tham gia chào giá để thực hiện cung ứng dịch vụ trực ứng phó sự cố tràn dầu cho các đơn vị, cơ sở kinh doanh xăng dầu, Cầu cảng tại địa phương. Nhờ đó, doanh thu dịch vụ vượt hơn 31% so với kế hoạch, vượt hơn 20% so với năm trước. Chi tiết về kết quả của Dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí như Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả của Dịch vụ Tàu lai dắt & tàu chuyên ngành Dầu khí năm 2022

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	2022		So với KH2022 (%)	So với TH2021 (%)
				KH	TH		
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	190,91	175,00	230,73	131,85	120,86
-	Dịch vụ cho NMLD DQ	Tỷ đồng	175,44	166,35	213,18	128,15	121,52
-	Dịch vụ bên ngoài	Tỷ đồng	15,47	8,65	17,55	202,93	113,40

c. Dịch vụ BDSC và cung cấp vật tư thiết bị

Dịch vụ BDSC và cung cấp VTTB tiếp tục được Công ty ưu tiên đẩy mạnh và ngày càng tạo dựng được uy tín, thương hiệu đến với Khách hàng. Trong năm 2022, với những ưu điểm, thế mạnh đã được Khách hàng ghi nhận, Công ty đã tích cực chào thầu và trúng hơn 20 Gói thầu bảo dưỡng, cung cấp vật tư thường xuyên cho BSR với giá trị hợp đồng khoảng 160 tỷ đồng. Đồng thời, ký kết được Hợp đồng để cung cấp một số dịch vụ dài hạn cho Khách hàng BSR trong vòng 3 năm tới.

Ngoài ra, Công ty cũng đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ BDSC cho Nhà máy thép Hòa Phát. Qua đó cho thấy, PTSC Quảng Ngãi từng bước tạo được những sự tin tưởng của các Khách hàng bên ngoài Nhà máy Lọc - Hóa dầu.

Bên cạnh công tác BDSC thì Công ty cũng đã từng bước phối hợp với các Đối tác ký kết hợp đồng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, vận hành và BDSC cho BSR.

Kết quả năm 2022, doanh thu dịch vụ này tăng trưởng vượt bậc, đạt 136,44 tỷ đồng, vượt 94,91% so với kế hoạch (70,0 tỷ đồng) và tăng 2,68 lần so với năm 2021 (50,92 tỷ đồng).

d. Dịch vụ gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu

Dịch vụ gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu được xác định là dịch vụ cốt lõi cần được đầu tư cao nhất để phát triển trong các năm gần đây. Với sự tích cực thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra từ đầu năm như tiếp tục đánh giá và tối ưu chi phí để tăng tính cạnh tranh; tìm kiếm thêm các khách hàng trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á thông qua việc gửi hồ sơ/profile của Công ty đến các khách hàng mới về mảng gia công cơ khí; nghiên cứu sâu về các sản phẩm phụ trợ của hệ thống máy phát, tuabin khí, hệ thống thu hồi nhiệt trong các Nhà máy điện khí để tham gia chào giá cho các khách hàng GE, và đối tác Úc,... Nhờ đó, dịch vụ này đã tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng khi mở rộng và ký thêm các hợp đồng với hệ thống GE như GE Malaysia, GE Đài Loan, mở rộng thêm các đối tác mới tại Úc,... Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì, tăng thêm nhiều dịch vụ mới, sản phẩm mới với các đối tác Khách hàng hiện hữu như Khách hàng Úc, GE Dung Quất, GE Global,... Kết quả doanh thu năm 2022 đạt 212,56 tỷ đồng, vượt 32,85% so với kế hoạch (160,0 tỷ đồng) và cao hơn 2,28 lần so với năm 2021 (93,23 tỷ đồng).

e. Dịch vụ xây lắp công trình công nghiệp

Trong năm 2022, PTSC Quảng Ngãi tiếp tục tập trung thực hiện 03 Dự án gồm: Dự án Long Sơn, LNG Thị Vải và Dự án Kho PVOIL Dung Quất đảm bảo tiến độ, chất lượng cam kết với Khách hàng. Cũng trong năm qua, Công ty đã chào thầu, đàm phán và ký kết thành công các Hợp đồng xây lắp cho PVOIL Vũng Rô, Phân kho 85 với Khách hàng Quân đội. Nhờ đó, doanh thu dịch vụ đạt 334,44 tỷ đồng, vượt 67,22% so với kế hoạch (200 tỷ đồng).

Tuy nhiên, đối với Dự án Long Sơn, do các khó khăn đặc thù của Dự án như ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 trong các năm qua, thiết kế của Tổng thầu TPSK có nhiều thiếu sót phải điều chỉnh, giao diện phức tạp do Gói thầu A1 là gói thầu thuộc Khu công nghệ chính của Nhà máy nên dẫn đến tiến độ bị kéo dài và gây phát sinh chi phí rất lớn cho PTSC Quảng Ngãi. Điều này cũng tác động không nhỏ đến lợi nhuận chung của Công ty trong năm vừa qua. Hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị PTSC Thanh Hóa, POS và Tổng công ty để thực hiện hoàn thành Dự án và bảo vệ chi phí phát sinh liên quan.

3. Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm 2022, PTSC Quảng Ngãi vẫn còn một số khó khăn, tồn tại cần khắc phục như sau:

- Dự án Long Sơn gặp nhiều khó khăn về tiến độ kéo dài và phát sinh nhiều chi phí;

- Các vướng mắc, tồn đọng của Dự án Nhà máy NLSH Bio-ethanol Dung Quất và NMNĐ Long Phú 1 đến nay vẫn chưa được giải quyết triệt để;
- Đầu tư Dự án Khu Dịch vụ cơ khí dầu khí 13,4ha triển khai vẫn còn chậm so với kế hoạch và đang gặp nhiều khó khăn trong công tác giải tỏa, đền bù, tái định cư;
- Năng suất lao động chưa tăng như kỳ vọng, việc sử dụng lao động ở một số khâu vẫn còn chưa hiệu quả;
- Công tác tái cấu trúc; công tác chuyển đổi số, xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh cho các mảng gia công chế tạo, BDSC và xây lắp công trình công nghiệp trên bờ chưa hoàn thành theo kế hoạch đề ra;
- Công tác cải tiến, R&D vẫn chưa được chú trọng thực hiện;
- Nguồn tiền để đầu tư và dòng tiền hiện đang gặp nhiều khó khăn;
- Lĩnh vực xây lắp các công trình trên bờ ngày càng cạnh tranh khốc liệt và có nhiều rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Nhận định khó khăn, thách thức và cơ hội năm 2023

1.1. Dự báo tình hình chung

- Khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn tiếp diễn và có thể diễn biến rất phức tạp, khó lường; dự báo tăng trưởng có xu hướng chậm lại; nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực gia tăng.
- Kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp.
- Lĩnh vực năng lượng tái tạo là xu thế phát triển mới, trong đó năng lượng tái tạo ngoài khơi là cơ hội lớn cho PTSC nói chung và PTSC Quảng Ngãi nói riêng.

1.2. Dự báo cho từng Dịch vụ

a. *Dịch vụ Cảng và logistics*

Dự báo Dịch vụ Cảng và logistics năm 2023 sẽ khó khăn hơn khi sản lượng dăm gỗ tại địa phương vẫn còn bị ảnh hưởng bởi các cơn bão từ năm 2020, 2021; bên cạnh đó, mặt hàng mới là Semitrailers sẽ được Khách hàng tự thực hiện sau khi Công ty ô tô Trường Hải Chu Lai xây dựng xong Cảng riêng của mình.

Nhà máy thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 đang giãn tiến độ đầu tư.

b. *Lĩnh vực tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí*

Tiếp tục duy trì ổn định như năm 2022.

c. *Lĩnh vực BDSC và cung cấp VTTB*

- Đối với NMLD Dung Quất:
 - + Công việc BDSC thường xuyên: Vẫn tiếp tục duy trì như năm 2022.

+ BDSC tổng thể TA5: Công ty đang có nhiều cơ hội trúng thầu và thực hiện các Gói thầu cho TA5.

- Đối với Nhà máy khác:

+ NMLHD Nghi Sơn: PTSC Quảng Ngãi có cơ hội tham gia cung cấp dịch vụ này cùng với các đơn vị thuộc Tổng công ty và đối tác PV Chem trong đợt BDSC tổng thể lần 1.

+ Nhà máy khác (Nhà máy thép Hòa Phát, các Nhà máy tại Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi): Cơ hội cung cấp các dịch vụ BDSC sẽ tăng so với năm 2022.

d. Lĩnh vực gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu

Tiếp tục duy trì và phát triển thị phần, thị trường nhiều hơn so với năm 2022.

e. Lĩnh vực xây lắp công trình công nghiệp

- Hy vọng Công ty sẽ có thêm việc làm mới từ Dự án Phân kho 85 của Quân Đội;

- Hy vọng Công ty sẽ có nhiều cơ hội tham gia đấu thầu và thực hiện công việc cùng Tổng công ty cho các Dự án lớn.

- Hy vọng Công ty sẽ có thêm việc làm mới ở khu vực Quảng Ngãi, miền Trung.

2. Mục tiêu năm 2023

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2022; tình hình dự báo năm 2023, PTSC Quảng Ngãi đề ra các mục tiêu trọng tâm năm 2023 như sau:

a. Đảm bảo 100% các công việc được thực hiện an toàn, chất lượng, vượt tiến độ và hiệu quả;

b. Đảm bảo hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về SXKD đã đề ra, cụ thể:

Bảng 4. Kế hoạch tài chính chủ yếu năm 2023

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	900,00
1.1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	899,00
1.2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,50
1.3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,50
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,60
4	Đầu tư XD CB và mua sắm PTTB	Tỷ đồng	178,09
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	10,50
6	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đồng/ tháng/người	Phần đầu cao hơn năm 2022

c. Đảm bảo thực hiện thành công Dự án Kho Xăng dầu Vũng Rô của PVOIL và Dự án Phân kho 85;

d. Phần đầu phát triển dịch vụ gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu hơn năm 2022;

- e. Hoàn thiện chiến lược phát triển kinh doanh cho các mảng gia công chế tạo, BDSC và xây lắp công trình công nghiệp trên bờ; kế hoạch số hóa và chuyển đổi số cho Dịch vụ Cảng;
- f. Tăng cường phối hợp với Tổng công ty PTSC để khởi công xây dựng Bến số 3 trong Quý III/2023;
- g. Hoàn thành công tác tái cấu trúc nhân sự;
- h. Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số;
- i. Quyết tâm tham gia cùng Tổng công ty tại các Dự án Điện gió ngoài khơi;
- j. Hoàn thiện Văn hóa Doanh nghiệp trên cơ sở nền tảng Văn hóa của PVN và Tổng công ty PTSC.

3. Các nhóm giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu, kế hoạch năm 2023

Để đạt được các mục tiêu đề ra như trên, trên cơ sở dự báo của thị trường, điều kiện thực tế của Công ty, PTSC Quảng Ngãi đưa ra một số nhóm giải pháp như sau:

3.1. Nhóm giải pháp liên quan đến các lĩnh vực cốt lõi của Công ty năm 2023

a. Dịch vụ Cảng và logistics

- Tiếp tục hoàn thiện công tác chuyển đổi công năng Bến tàu lai dắt thành Bến khai thác hàng lỏng, hàng tổng hợp.
- Tiếp tục phối hợp với Tổng công ty đẩy nhanh đầu tư Bến số 3 để tiếp nhận được tàu 50.000 DWT và 70.000DWT giảm tải nhằm giải quyết được tình trạng tắc nghẽn cầu bến tại Bến số 1 trong thời gian qua.
- Nghiên cứu đầu tư bổ sung thêm cơ sở vật chất, phương tiện, máy móc thiết bị để đảm bảo cung cấp được các dịch vụ có liên quan.
- Liên tục phân tích, đánh giá, nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh để giữ chân được các Khách hàng hiện hữu và tìm kiếm thêm các Khách hàng mới.
- Tiếp tục nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu của thị trường để tìm thêm các mặt hàng mới bù đắp doanh thu cho sản phẩm dăm gỗ.

b. Dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành Dầu khí

- Tiếp tục cải tiến hệ thống để đảm bảo cung cấp dịch vụ cho Khách hàng an toàn và chất lượng cao nhất, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các yêu cầu của Khách hàng.
- Khai thác hiệu quả và sử dụng hết công suất của đội tàu.
- Tiếp tục thực hiện chính sách hợp tác với các nhà cung cấp tàu lai dắt trong khu vực để cung cấp các dịch vụ lai dắt cho Tàu thương mại vào/rời Cảng tại Dung Quất nhằm giảm thiểu sự cạnh tranh trực tiếp với các nhà cung cấp này.

c. Dịch vụ BDSC và cung cấp VTTB

- Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật để đáp ứng được yêu cầu về công tác BDSC thường xuyên và đặc biệt là công tác bảo dưỡng tổng thể lần 5 của NMLD Dung Quất.

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện thành công các Gói thầu trúng thầu trong đợt bảo dưỡng tổng thể NMLD Dung Quất nhằm giữ vững uy tín và tạo tiếng vang hơn nữa cho PTSC trong lĩnh vực BDSC tổng thể.
- Đầu tư cho công tác R&D trong lĩnh vực BDSC để nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như từng bước chủ động và xâm nhập vào thị phần BDSC chuyên sâu của NMLD Dung Quất.
- Tập trung tìm kiếm cơ hội tham gia nhiều hơn và sâu hơn tại Nhà máy thép Hòa Phát.
- Phối hợp với Tổng công ty, các đơn vị trong PTSC và các đơn vị trong Ngành để tham gia BDSC tại NMLD Nghi Sơn, Lọc Hóa dầu Long Sơn.

d. Dịch vụ gia công, chế tạo cơ khí xuất khẩu

- Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (Lean Six Sigma) và liên tục cải tiến quy trình làm việc để giảm thiểu các lãng phí, tránh sản xuất dư thừa và giảm sản phẩm lỗi.
- Nâng cao công tác đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện, máy móc thiết bị chuyên sâu tại Xưởng cơ khí Dung Quất theo phương thức ưu tiên hợp tác với các đối tác trong ngắn hạn và tiến tới tự đầu tư dài hạn để đón đầu cơ hội cung cấp dịch vụ gia công cho Khách hàng.
- Tiếp tục xây dựng hệ thống Nhà thầu phụ vệ tinh có năng lực để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh để tìm kiếm thêm các Hợp đồng mới, Khách hàng mới, từ đó từng bước nâng cao quy mô, sản lượng trong lĩnh vực này.

e. Dịch vụ xây lắp công trình công nghiệp

- Phối hợp với Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong Tổng công ty để tham gia chào thầu và đảm nhận các công việc mà PTSC Quảng Ngãi có thể thực hiện.
- Bám sát Hòa Phát Dung Quất để tìm kiếm các công việc khi Khách hàng triển khai đầu tư giai đoạn 2.
- Bám sát các Nhà máy có kế hoạch xây dựng tại KCN VSIP Quảng Ngãi để chào thầu, tìm kiếm các dự án xây dựng nhà xưởng.
- Tăng cường marketing, chào thầu các Dự án mà Công ty có thế mạnh trong khu vực Quảng Ngãi, miền Trung.
- Phối hợp với các bên liên quan (Chủ đầu tư, Tổng công ty, Tập đoàn,...) để giải quyết triệt để các vấn đề tồn đọng của Dự án Nhà máy NLSH Bio-ethanol và Dự án NMNĐ Long Phú 1.

3.2. Nhóm giải pháp liên quan đến các mục tiêu về nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả

a. Về công tác đầu tư

- Tập trung triển khai đối với các dự án đầu tư XDCB gồm: Dự án đầu tư Bến số 3, Dự án Khu dịch vụ cơ khí dầu khí Dung Quất (Khu 13,4ha).
- Đẩy nhanh đầu tư các máy móc, phương tiện thiết bị chuyên sâu để phục vụ cho dịch vụ Cảng, BDSC, gia công cơ khí & xây lắp.

b. Về tăng năng suất lao động

- Tăng cường công tác giao khoán cho Bộ phận trực tiếp, áp dụng thí điểm công tác giao khoán cho Phòng ATCL và tiếp tục nhân rộng ra các Phòng chức năng khác.
- Rà soát, bồi dưỡng và bố trí sử dụng người lao động đúng người, đúng việc để nâng cao năng suất làm việc.
- Đẩy mạnh công tác Kaizen, hợp lý hóa sản xuất, cơ giới hóa sản xuất, tự động hóa sản xuất, hiện đại hóa máy móc thiết bị để tăng năng suất lao động.

c. Về khai thác hiệu quả sử dụng tài sản

- Tiếp tục marketing để cho thuê các MMTB nhàn rỗi.
- Thanh lý các MMTB không còn nhu cầu sử dụng.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ để đảm bảo các MMTB luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

d. Về tiết kiệm, chống lãng phí

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với người lao động.
- Rà soát các hạng mục có thể tiết kiệm, tiết giảm và giao chỉ tiêu cụ thể về việc tiết kiệm, tiết giảm chi phí từng hạng mục cho các Bộ phận liên quan.
- Thường xuyên khuyến khích, đẩy mạnh công tác Kaizen trong toàn thể người lao động để tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả.

e. Về đào tạo

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ để nâng cao tay nghề cho người lao động.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo các khóa học chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các chứng chỉ, quy định cần thiết khi tham gia chào thầu các Dự án trong thời gian đến và nâng cao năng lực cho người lao động.

f. Về tái cấu trúc

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn về cơ cấu tổ chức, về trách nhiệm công việc - mỗi việc chỉ có 01 lãnh đạo/01 bộ phận/01 cấp quản lý/01 người chịu trách nhiệm.
- Tiếp tục hoàn thiện khung năng lực phù hợp.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách liên quan để tiến tới áp dụng hệ thống lương 3P (vị trí, năng lực và kết quả).
- Sắp xếp, đào tạo, tuyển dụng và chuyên môn hóa cao cho nguồn lực marketing và phát triển kinh doanh.

g. Về số hóa và chuyển đổi số

- Nâng cao năng lực quản lý về an ninh mạng;

- Tiếp tục đầu tư và áp dụng các phần mềm thực hiện công việc hàng ngày, từng bước chuyển đổi số cho một số công việc quan trọng. Mục tiêu hướng đến là số hóa và chuyển đổi số toàn diện.

3.3. Nhóm giải pháp liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững

a. Về chiến lược

Tiếp tục hoàn thiện chiến lược cho các lĩnh vực: BDSC, gia công cơ khí (đặc biệt là cơ khí xuất khẩu) và xây lắp công trình công nghiệp trên bờ.

b. Về nghiên cứu và phát triển (R&D)

Tập trung công tác R&D tại các Bộ phận theo chức năng, chuyên môn.

c. Về văn hóa doanh nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp của PVN, Tổng công ty; đồng thời hoàn thiện văn hóa Công ty cho phù hợp với đặc thù ngành nghề và vùng miền, tạo môi trường để người lao động tiếp tục cống hiến hết mình và cùng nhau xây dựng một PTSC Quảng Ngãi ngày càng phát triển, vững mạnh.

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Những kết quả đã đạt được trong năm 2022 thể hiện ý chí, sự quyết tâm, sự đoàn kết và sự lao động sáng tạo của toàn thể người lao động của Công ty. Tôi xin thay mặt cho Ban lãnh đạo Công ty xin ghi nhận, biểu dương và chân thành cảm ơn toàn thể người lao động và tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông đã luôn hỗ trợ và đồng hành cùng PTSC Quảng Ngãi trong suốt thời gian qua.

Năm 2023 với thách thức về hội nhập, về cạnh tranh sẽ ngày càng cao hơn và sẽ tác động trực tiếp đến từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Do vậy, để vừa đảm bảo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra, vừa đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh thì toàn thể CBCNV của PTSC Quảng Ngãi phải cùng đồng tâm, hiệp lực, trách nhiệm cao và hành động quyết liệt các nhóm công việc đã đề ra ở trên. Tôi luôn tin tưởng rằng, PTSC Quảng Ngãi sẽ tiếp tục thành công và sẽ bước sang giai đoạn phát triển mới bền vững hơn trong thời gian đến.

Cuối cùng xin kính chúc Quý Cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- Ban Giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.



GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Phong

Số: 02/BC-DKQN-BKS

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM
2022 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2023

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (Công ty), Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN I – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát PTSC Quảng Ngãi được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty họp lần thứ nhất ngày 19/12/2010, thông qua các lần thay đổi nhân sự theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hiện gồm các thành viên sau:

- Bà Hồ Thị Kim Ánh - Trưởng Ban kiểm soát
(Tham gia Ban kiểm soát từ ngày 05/06/2020, được bầu Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 03/07/2020)
- Ông Nguyễn Tấn Tinh - Kiểm soát viên
(Tham gia Ban kiểm soát từ ngày 20/03/2018)
- Bà Phan Thị Thùy Trang - Kiểm soát viên
(Tham gia Ban kiểm soát từ ngày 16/04/2021)

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2022. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;

- Phối hợp với Tổng Công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại Công ty;
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các Dự án đầu tư trọng điểm;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý vốn Chủ sở hữu;
- Định kỳ hàng quý lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết ĐHĐCĐ; đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty; Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên:

Ban kiểm soát PTSC Quảng Ngãi đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2022 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua, các thành viên trong Ban kiểm soát chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật, đảm bảo tuân thủ đúng theo Điều lệ hoạt động của Công ty, Tổng Công ty PTSC, Luật Doanh nghiệp.

Trong đó, phân công công việc cụ thể và kết quả hoạt động của từng thành viên trong Ban kiểm soát như sau:

- Bà Hồ Thị Kim Ánh: Đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ được phân công theo đúng chức trách nhiệm vụ, bao gồm công tác phụ trách chung, lên kế hoạch tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát theo quy định; Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát; Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát; Giám sát, đôn đốc thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát; Thẩm định, kiểm tra số liệu báo cáo quý của Ban kiểm soát, đề xuất các kiến nghị (nếu có); Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý vốn chủ sở hữu với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Ông Nguyễn Tấn Tinh - Thành viên Ban kiểm soát: Đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ được giao về công tác theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu số liệu các báo cáo tài chính, phân tích về các chỉ tiêu tài chính, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, tuân thủ Điều lệ của Công ty; Thực hiện báo cáo quý về kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.
- Bà Phan Thị Thùy Trang - Thành viên Ban kiểm soát: Đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ được giao về công tác theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu số liệu các báo cáo tài chính, phân tích về các chỉ tiêu tài chính, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, tuân thủ Điều lệ của Công ty; Thực hiện báo cáo quý về kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2022: Đối với các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, mức thù lao là 02 triệu VNĐ/người/tháng, Trưởng Ban kiểm soát không chuyên

trách là 03 triệu VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên 2022.

Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2022 là 48.000.000 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân). Cụ thể cho từng thành viên như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao tháng theo NQ số 26/NQ-DKQN-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022 (đồng)	Tổng thù lao nhận trong năm 2022 (đồng)	Ghi chú
1	Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng Ban	3.000.000	0	(*)
2	Phan Thị Thùy Trang	Thành viên	2.000.000	24.000.000	
3	Nguyễn Tấn Tinh	Thành viên	2.000.000	24.000.000	

(*) Từ 01/10/2020, nhân sự do cổ đông Tổng Công ty PTSC cử, giới thiệu tham gia Ban kiểm soát không nhận thù lao kiêm nhiệm tại PTSC Quảng Ngãi.

Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022: Áp dụng theo định mức của Công ty và quy định hiện hành.

5. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp, nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Lần 1: Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
- Lần 2: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 1 của Ban kiểm soát.
- Lần 3: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 2 của Ban kiểm soát.
- Lần 4: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 3 của Ban kiểm soát.
- Lần 5: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát Quý 4 của Ban kiểm soát.

Số cuộc họp tham gia và tỷ lệ tham gia của Thành viên Ban kiểm soát như sau:

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1.	Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng BKS	5/5	100%	
2.	Ông Nguyễn Tấn Tinh	Kiểm soát viên	5/5	100%	
3.	Bà Phan Thị Thùy Trang	Kiểm soát viên	5/5	100%	

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022

Đvt: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % thực hiện so với	
					KH năm 2022	Thực hiện năm 2021
1	Tổng Doanh thu	742,00	1.055,71	849,11	142,28%	124,33%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	740,00	1.050,32	847,73	141,94%	123,90%

1.2	Doanh thu tài chính	1,00	2,68	1,26	268,00%	212,70%
1.3	Thu nhập khác	1,00	2,71	0,12	271,00%	2.258,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	25,90	26,34	24,93	101,70%	105,66%
3	Lợi nhuận sau thuế	20,72	21,05	19,77	101,59%	106,52%
4	NSNN (Số đã nộp)	25,68	9,31	29,08	36,27%	32,03%
5	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB	166,23	12,95	2,29	7,79%	565,50%

Tổng Doanh thu thực hiện năm 2022 là 1.055,71 tỷ đồng, vượt 42,28% so với kế hoạch năm 2022, vượt 24,33% so với thực hiện năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế là 26,34 tỷ đồng, vượt 1,70% so với kế hoạch năm 2022, vượt 5,66% so với thực hiện năm 2021.

Nộp Ngân sách nhà nước đã thực hiện trong năm 2022 là 9,31 tỷ đồng.

Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm PTTB của năm 2022 đã giải ngân là 12,95 tỷ đồng.

Nhìn chung trong năm 2022, PTSC Quảng Ngãi thực hiện vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đề ra.

2. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, quản lý, sử dụng vốn

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021	Biến động
			(1)	(2)	(1)-(2)
I	Cơ cấu tài sản		909.145	852.667	56.478
1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	597.491	506.455	91.036
2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	311.654	346.212	(34.557)
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	65,72%	59,40%	6,32%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34,28%	40,60%	-6,32%
II	Cơ cấu nguồn vốn	%			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	"	86,20%	87,75%	-1,56%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	"	13,80%	12,25%	1,56%
III	Chỉ số khả năng thanh toán	Lần			
1	Khả năng thanh toán hiện hành	"	1,41	1,30	0,11
2	Khả năng thanh toán nhanh	"	0,83	0,75	0,08
IV	Tỷ suất lợi nhuận	%	Năm 2022	Năm 2021	Biến động
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	"	2,39%	2,23%	0,16%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	"	18,32%	20,91%	-2,59%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu	"	1,99%	2,33%	-0,33%
V	Tình hình lưu chuyển tiền tệ		Năm 2022	Năm 2021	Biến động
	Tổng lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động (1+2+3)	Tr.đồng	(280)	(48.603)	48.324
1	Dòng tiền thuần từ hoạt động sxkd	Tr.đồng	12.824	(33.498)	46.323
2	Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	Tr.đồng	(13.104)	(15.105)	2.001
3	Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	-	-

2.1 Cơ cấu tài sản:

Tại ngày 31/12/2022, Tổng tài sản của PTSC Quảng Ngãi là 909.145 triệu đồng, tăng 56.478 triệu đồng, tương đương tăng 6,62% so với đầu năm. Trong đó: Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn trên Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2022 có sự dịch chuyển tăng 6,32% so với

thời điểm 31/12/2021. Nguyên nhân chính do tập trung tài sản ngắn hạn phục vụ nhu cầu SXKD, chủ yếu là phải thu ngắn hạn chiếm 33,04% và hàng tồn kho chiếm 26,72% Tổng tài sản. Đồng thời, tỷ trọng Tài sản dài hạn trên Tổng tài sản đang ở mức 34,28% tại thời điểm 31/12/2022 thể hiện cơ cấu tài sản của Công ty đang tập trung lớn ở một số tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản thấp, điều này có thể dẫn đến rủi ro tiềm tàng vốn bị chiếm dụng, khó quay vòng nhanh để tham gia vào hoạt động SXKD và tạo ra nguồn thu cho Công ty.

2.2 Cơ cấu nguồn vốn:

Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn có xu hướng giảm nhẹ so với thời điểm 31/12/2021 (giảm từ 87,75% xuống 86,20%) do Vốn chủ sở hữu tăng nhờ lỗ lũy kế tiếp tục được bù đắp từ lợi nhuận trong năm 2022, xu hướng này sẽ được duy trì trong năm tới nếu Công ty tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh cùng với nỗ lực hoàn thiện công tác bàn giao toàn bộ Dự án Bio Ethanol Dung Quất.

2.3 Chỉ số khả năng thanh toán:

Chỉ số thanh toán hiện hành có xu hướng tăng dần và lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán công nợ đến hạn của Công ty có sự cải thiện. Tuy nhiên, chỉ số khả năng thanh toán nhanh vẫn ở mức thấp và nhỏ hơn 1 do Công ty tăng hàng tồn kho ở khoản mục nguyên vật liệu phục vụ SXKD và gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các Dự án đang thực hiện (giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 là 242,90 tỷ đồng, chiếm 40,65% tài sản ngắn hạn).

2.4 Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân trong năm 2022 đạt 2,39%, tăng 0,16% so với cùng kỳ 2021 do Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2022 tăng 6,52% trong khi Tổng tài sản bình quân giảm 0,40% so với cùng kỳ năm 2021.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) trong năm 2022 đạt 18,32%, giảm 2,59% so với cùng kỳ 2021. Chỉ số này giảm so với cùng kỳ do vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhờ lỗ lũy kế của các năm trước tiếp tục được bù đắp từ lợi nhuận đạt được trong năm 2022, dự kiến vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng trong năm tới và PTSC Quảng Ngãi cũng đang nỗ lực hoàn thiện công tác bàn giao toàn bộ dự án Bio Ethanol.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Doanh thu trong năm 2022 đạt 1,99%, giảm nhẹ 0,33% so với cùng kỳ 2021. Kết quả đạt được ở mức thấp hơn so với chỉ tiêu tỷ suất sinh lợi theo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong năm 2022 đã đăng ký ở trên (*tỷ suất sinh lợi theo kế hoạch là 2,80%*).

2.5 Tình hình công nợ

- Số dư công nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 300.354 triệu đồng, tăng 62.140 triệu đồng, tương ứng tăng 26,09% so với tại thời điểm 31/12/2021. Chủ yếu do tăng nợ phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược và doanh thu trích trước các dự án*), giá trị tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 246.496 triệu đồng và 39.194 triệu đồng, chiếm 82,07% và 13,05% tổng nợ phải thu ngắn hạn. Nợ phải thu khách hàng quá hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 2.395 triệu đồng (*không biến động so với các kỳ trước*) và đã được trích lập dự phòng 100%. Thời gian thu hồi công nợ khách hàng bình quân là 2,49 tháng (tương ứng 74,81 ngày).

- Số dư công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 783.674 triệu đồng, tăng 35.423 triệu đồng, tương ứng tăng 4,73% so với tại thời điểm 31/12/2021. Tập trung chủ yếu ở các khoản công nợ: **1/Nợ phải trả nội bộ** (phải trả Tổng công ty PTSC) giá trị là 389.207 triệu đồng (chiếm 49,66% tổng nợ phải trả), gồm: nợ phải trả ngắn hạn là 30.315 triệu đồng, không thay đổi so với tại thời điểm 31/12/2021 (các khoản phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD và

thực hiện dự án); nợ phải trả dài hạn là 358.892 triệu đồng đã phát sinh nhiều năm qua, chưa thanh toán được cho Tổng công ty PTSC do Công ty chưa đủ nguồn lực tài chính. **2/Phải trả người bán** là 230.919 triệu đồng (chiếm 29,47% tổng nợ phải trả), tăng 12.590 triệu đồng so với tại thời điểm 31/12/2021. **3/Người mua trả trước** là 90.458 triệu đồng (chiếm 11,54% tổng nợ phải trả), tăng 15.562 triệu đồng so với tại thời điểm 31/12/2021. Công ty có thời gian trả nợ người bán bình quân là 2,65 tháng (tương ứng 79,45 ngày).

Nhìn chung, Công ty có thời gian thu hồi công nợ khách hàng gần tương đương thời gian trả nợ nhà cung cấp, không phát sinh thêm nợ quá hạn của khách hàng mới phải trích lập dự phòng khó đòi trong năm 2022. Tuy nhiên, thời gian thu hồi công nợ khách hàng tương đối chậm sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó hiện vẫn tồn đọng các khoản công nợ quá hạn đã trích lập dự phòng 100% kéo dài qua nhiều kỳ. Đề nghị Công ty đề xuất xử lý theo đúng quy định đối với các khoản công nợ không có khả năng thu hồi và tăng cường công tác quản lý, bám sát, đốc thúc khách hàng trả nợ để đảm bảo thu hồi công nợ tốt nhất và bảo toàn vốn cho Công ty.

2.6 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Số dư tiền tại ngày 31/12/2022 là 49.504 triệu đồng, giảm 1.076 triệu đồng so với tại thời điểm 31/12/2021, chủ yếu giảm khoản mục tiền gửi có kỳ hạn đến 03 tháng do nhu cầu thanh toán chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện các Dự án. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm giá trị 6.400 triệu đồng, không biến động so với thời điểm 31/12/2021.

Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ như sau:

- Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 12.824 triệu đồng (*cùng kỳ năm 2021 âm 33.498 triệu đồng*) chủ yếu do tăng các khoản công nợ phải trả (*chưa chi tiền trả nợ cho nhà cung cấp, các bên liên quan*).
- Dòng tiền từ hoạt động đầu tư là âm 13.104 triệu đồng. Trong đó, chi đầu tư trong kỳ là 13.553 triệu đồng (*chi mua sắm, xây dựng TSCĐ là 5.094 triệu đồng và chi hoạt động đầu tư, xây dựng dở dang là 8.459 triệu đồng*) và tiền thu từ lãi cho vay là 450 triệu đồng.
- Dòng tiền từ hoạt động tài chính: Trong năm 2022, Công ty có phát sinh khoản vay ngắn hạn 43.276 triệu đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này đã được tất toán vào cuối năm.

Như vậy, hoạt động kinh doanh chính của Công ty đã tạo ra được dòng tiền dương, tuy nhiên chưa đủ bù đắp nhu cầu chi đầu tư trong kỳ, Công ty vẫn phải vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh do tình hình tài chính còn khó khăn, trong khi công nợ phải thu chưa thu hồi kịp thời. Công ty cần có kế hoạch kiểm soát, cân đối thu chi để đảm bảo dòng tiền kinh doanh.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị:

Trong năm 2022, PTSC Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu thực tế, cụ thể như sau:

3.1 Công trình đầu tư xây dựng cơ bản:

3.1.1 Dự án chuyển tiếp (2019, 2020, 2021):

- Khu Dịch vụ cơ khí Dầu khí Dung Quất: PTSC Quảng Ngãi đã trình Hội đồng quản trị xem xét thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.
- Dự án nhà kho, nhà để xe cơ giới: PTSC Quảng Ngãi đã hoàn thành các thủ tục thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo quy định. Tuy nhiên vị trí dự kiến xây dựng là tại mặt bằng Bến tàu lai nhưng hiện nay PTSC Quảng Ngãi đang triển khai thực hiện các thủ tục liên quan trình các cơ quan Nhà nước xin bổ sung công năng cho Bến tàu lai. Do vậy, PTSC Quảng

Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét chuyển sang năm 2023, sau khi chọn được vị trí khác phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.2 Dự án trong kế hoạch năm 2022:

- Dự án Xưởng gia công chế tạo thiết bị: PTSC Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét cắt giảm do vị trí xây dựng dự kiến khi lập kế hoạch không đáp ứng được các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn về PCCC hiện hành.

3.2 Dự án đầu tư Phương tiện thiết bị:

3.2.1 Dự án chuyển tiếp (2021):

- Dự án đầu tư xe 47 chỗ: Đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng.
- Dự án Xe cầu bánh lốp sức nâng 200-300T, 01 Máy siết thủy lực, lực siết khoảng 5000Nm và 01 Máy siết đai ốc thủy lực, lực siết khoảng 10000Nm: PTSC Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét chuyển sang 2023 thực hiện để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế sử dụng.
- Dự án đầu tư sơ mi romooc sàn 3 trục: PTSC Quảng Ngãi đang đàm phán Hợp đồng với Nhà thầu để trình phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu.
- Dự án đầu tư sơ mi romooc lùn 7 trục: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.
- Dự án Cầu trục dầm đôi 20T, Cầu trục dầm đơn 5T: Hai thiết bị này dùng để lắp đặt trong Xưởng gia công chế tạo thiết bị sau khi đầu tư hoàn thành, tuy nhiên hạng mục Xưởng gia công chế tạo thiết bị đã dùng (như trình bày ở trên) nên PTSC Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét cắt giảm 02 thiết bị này.
- Dự án đầu tư Xe đầu kéo 3 trục: Đã phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Theo yêu cầu xe sản xuất 2022 về sau và tiêu chuẩn khí thải là EURO 5. Tuy nhiên, hiện nay trên thị trường các xe đầu kéo 3 trục như: Hyundai HD1000, Hyundai Xcient, Deawoo, ... không có xe có năm sản xuất 2022 (*các hãng này đang trong giai đoạn nghiên cứu sản xuất với tiêu chuẩn khí thải EURO 5 theo yêu cầu của Pháp luật Việt Nam và năm 2023 mới có các dòng xe đầu kéo nêu trên*). Do vậy, nếu tổ chức đấu thầu trước tháng 12/2022 thì các nhà thầu của các hãng xe như Hyundai, Deawoo, ... sẽ không tham gia được, dẫn tới hạn chế số lượng nhà thầu tham gia và giảm tính cạnh tranh. Vì vậy, PTSC Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét giãn tiến độ (năm 2023 mới tổ chức đấu thầu).
- Máy lóc tole 4 trục tạo hình, max 50mm: Hiện đang đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính và trình Tổ thẩm định.

3.2.2 Dự án trong kế hoạch năm 2022:

- Máy biến áp 560KVA: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.
- Máy phay CNC 3 trục, hành trình XYZ: 2100x870x750mm: PTSC Quảng Ngãi đã đề xuất Tổng công ty PTSC xem xét chuyển sang 2023 thực hiện để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế sử dụng.

4. Công tác chấp hành, tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành

Công ty thực hiện chấp hành nghiêm và tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

5. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

PTSC Quảng Ngãi đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định, quy trình trong đó có chứa đựng các cơ chế kiểm soát và quản lý rủi ro. Xây dựng hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn – Sức khỏe – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001, 14001 và 45001 định hướng nâng cao hiệu suất an toàn và hiệu quả lao động. Các hệ thống này được thực thi đã tạo điều kiện cho cơ chế kiểm soát và quản lý rủi ro được vận hành một cách hữu hiệu.

Các chính sách, quy định, quy trình của Công ty được rà soát, cập nhật định kỳ theo quy định hiện hành của Pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31/12/2022 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và chấp nhận toàn phần.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Qua công tác kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động quản lý điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành Công ty trong năm 2022 đã tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, các quy định Pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2022, HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các nghị quyết/ quyết định đã ban hành và giám sát tình hình hoạt động của Công ty. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý Công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Giám đốc, Ban Kiểm soát, các Tổ chức Chính trị - Xã hội của Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Trong công tác quản lý điều hành, Giám đốc Công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm, có sự chủ động và thận trọng cần thiết nhằm đưa Công ty từng bước phát triển ổn định hơn, mạnh hơn, bền vững hơn. Ban Giám đốc đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty, giúp Công ty đạt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, phối hợp trong việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ.

Hội đồng quản trị và Giám đốc đã tạo điều kiện cung cấp thông tin để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Các báo cáo của Ban kiểm soát liên quan đến Công ty đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

VI. BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Việc thực hiện giao dịch giữa PTSC Quảng Ngãi với các bên liên quan tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành, các giao dịch phát sinh được trình cấp có thẩm quyền xem xét và chấp thuận trước khi thực hiện.

Trong 2022, các hợp đồng, giao dịch ký kết mới giữa PTSC Quảng Ngãi và các bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Kính đề nghị Đại hội phê chuẩn Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Trong quá trình hoạt động của Công ty, Công ty cần đề cao hơn nữa công tác cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định của Pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các Quy định, Quy chế nội bộ để đảm bảo việc xây dựng, sửa đổi, ban hành mới các Quy định, Quy chế được kịp thời, đầy đủ, đúng đắn, và nhất quán với quy định của Pháp luật hiện hành.

Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát Công ty hiện nay hoạt động dưới hình thức kiêm nhiệm, ảnh hưởng hạn chế đến việc tham gia vào công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát mong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Ban kiểm soát trong vấn đề Quản trị Công ty, tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận đầy đủ thông tin nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát và cảnh báo sớm những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

PHẦN II - KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước; Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2023. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư và các dự án trọng điểm mà Công ty thực hiện.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Rà soát, đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp và các bên có liên quan.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, Tổng công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý vốn Chủ sở hữu.
Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát năm 2023.
Kính trình Đại hội xem xét thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS; Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, NTT, (02b).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hồ Thị Kim Ánh

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH ĐƯỢC KÝ KẾT VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2022

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính	Hợp đồng/ Giao dịch với Người có liên quan							Ghi chú
		Số Hợp đồng	Thời điểm ký Hợp đồng	Số lượng Giao dịch/ Hợp đồng	Giá trị Giao dịch/ Hợp đồng (VNĐ - chưa VAT)	Loại Hợp đồng	Giá trị thực hiện (VNĐ - chưa VAT)	Số văn bản phê duyệt		
1	2	6	9	10	11	12	13	14	15	
A	Tổ chức									
I	Hợp đồng mua									
II	Hợp đồng bán									
1	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	57-2022/PTSC-QN/BDV	11/07/2022	1	38.468.141.092	Hợp đồng thương mại – Cung cấp thiết bị và thi công xây lắp công trình Kho xăng dầu Vũng Rô	Đang triển khai thực hiện	50/QĐ-DKQN-HDQT ngày 07/07/2022	
*	Tổng Hợp đồng bán				1					
**	Tổng cộng				1					
B	Cá nhân									Trong năm 2022 không phát sinh Giao dịch/Hợp đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **43** /TTr-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày **13** tháng **4** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC hiện hành, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban GD, Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trần Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ
QUẢNG NGÃI PTSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (*)
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên (*)
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Phong	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Ông Phạm Văn Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Giám đốc
Ông Ngô Tấn Quảng	Phó Giám đốc

(*) Đã nộp đơn xin thôi không tham gia Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tấn Tĩnh	Thành viên
Bà Phan Thị Thùy Trang	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Hồng Phong
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 *he*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2023-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

Lô 4H, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong
 Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		597.491.050.642	506.455.165.778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	43.103.589.578	44.179.913.151
1. Tiền	111		43.103.589.578	42.100.509.332
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.079.403.819
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.400.000.000	6.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.400.000.000	6.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		300.354.237.775	238.214.725.937
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	246.496.260.741	190.011.092.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	17.058.419.465	22.287.566.744
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	39.194.513.081	28.311.021.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.394.955.512)	(2.394.955.512)
IV. Hàng tồn kho	140	9	242.904.454.226	212.889.828.136
1. Hàng tồn kho	141		242.904.454.226	212.889.828.136
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.728.769.063	4.770.698.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.457.053.587	1.998.952.382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17	2.271.715.476	2.771.746.172
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.654.056.278	346.211.528.593
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.516.550.273	13.516.550.273
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	13.516.550.273	13.516.550.273
II. Tài sản cố định	220		193.214.787.202	232.249.670.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	191.030.799.339	230.799.036.032
- Nguyên giá	222		880.451.449.194	869.418.006.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(689.420.649.855)	(638.618.970.420)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.183.987.863	1.450.634.652
- Nguyên giá	228		5.343.161.029	4.142.661.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.159.173.166)	(2.692.026.377)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		87.272.484.025	79.938.281.651
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	69.815.950.708	69.815.950.708
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	17.456.533.317	10.122.330.943
IV. Tài sản dài hạn khác	260		17.650.234.778	20.507.025.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	17.650.234.778	20.460.200.959
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	46.825.026
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		909.145.106.920	852.666.694.371


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		783.673.728.802	748.250.265.093
I. Nợ ngắn hạn	310		424.658.302.549	389.358.636.444
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	230.919.052.441	218.328.755.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	90.457.894.567	74.895.923.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.120.707.759	1.798.943.460
4. Phải trả người lao động	314		5.666.756.404	6.039.864.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	38.296.918.962	30.527.341.723
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		659.579.292	1.920.839.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	55.537.393.124	55.846.968.290
II. Nợ dài hạn	330		359.015.426.253	358.891.628.649
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	358.891.628.649	358.891.628.649
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		123.797.604	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.471.378.118	104.416.429.278
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	125.471.378.118	104.416.429.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.707.250.551	4.707.250.551
3. Lũy kế	421		(179.235.872.433)	(200.290.821.273)
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(200.290.821.273)	(220.056.759.951)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.054.948.840	19.765.938.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		909.145.106.920	852.666.694.371


 Hồ Vũ Duy
 Người lập biểu


 Trịnh Lương Một
 Kế toán trưởng


 Lê Hồng Phong
 Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

Lô 4H, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong
 Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.050.324.460.876	847.731.970.677
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.050.324.460.876	847.731.970.677
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	987.801.765.941	787.334.455.364
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		62.522.694.935	60.397.515.313
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.681.773.726	1.259.432.735
6. Chi phí tài chính	22		2.440.007.228	311.584.120
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		531.713.508	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	38.918.485.253	35.334.671.647
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		23.845.976.180	26.010.692.281
9. Thu nhập khác	31		2.711.444.131	118.080.403
10. Chi phí khác	32		218.542.623	1.198.557.102
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.492.901.508	(1.080.476.699)
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		26.338.877.688	24.930.215.582
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	5.113.306.218	5.213.874.398
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	170.622.630	(49.597.494)
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		21.054.948.840	19.765.938.678
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	702	659


 Hồ Vũ Duy
 Người lập biểu


 Trịnh Lương Một
 Kế toán trưởng


 Lê Hồng Phong
 Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2023



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.338.877.688	24.930.215.582
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	51.268.826.224	52.508.297.445
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(287.820.112)	275.029.458
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(449.665.001)	(809.918.771)
Chi phí lãi vay	06	531.713.508	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.401.932.307	76.903.623.714
Thay đổi các khoản phải thu	09	(60.963.999.597)	41.281.263.624
Thay đổi hàng tồn kho	10	(30.014.626.090)	(78.466.564.098)
Thay đổi các khoản phải trả	11	31.956.810.515	(76.862.728.537)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.351.864.976	12.278.392.309
Tiền lãi vay đã trả	14	(531.713.508)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.622.335.359)	(8.632.414.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.577.933.244	(33.498.427.829)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(18.177.454.836)	(11.461.386.769)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.400.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	449.900.796	2.756.621.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.727.554.040)	(15.104.764.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.149.620.796)	(48.603.192.797)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.179.913.151	93.058.828.742
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	73.297.223	(275.722.794)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	43.103.589.578	44.179.913.151

Hồ Vũ Duy
 Người lập biểu

Trịnh Lương Một
 Kế toán trưởng

Lê Hồng Phong
 Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4300351623 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Cổ đông chính và là Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty PTSC").

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch qua hệ thống giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là "PQN".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 757 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 856 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, bốc dỡ, vận chuyển, giao nhận thiết bị, hàng hóa; gia công lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị công trình dầu khí, bảo dưỡng hoán cải các phương tiện nổi; khai thác cảng biển, cung ứng vật tư thiết bị các công trình dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải; kinh doanh tàu lai kéo; dịch vụ thuê tàu; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, công trình kỹ thuật phụ, thuộc nhà kho, công trình giao thông (cầu, đường, đê kè, bến cảng, san lấp mặt bằng và công trình cấp thoát nước); chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dầu khí và cung cấp dịch vụ đại lý hải quan, dịch vụ khai thuế hải quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động xây dựng các công trình, chế tạo và lắp đặt, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện hợp đồng, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

1001
CH
CÓN
KIẾ
DE
VI
LÊN 1.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm trả trước, các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và chi phí trả trước khác.

Chi phí mua bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hai năm đến ba năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.



Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	174.481.970	348.053.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.929.107.608	41.752.455.452
Các khoản tương đương tiền	-	2.079.403.819
	43.103.589.578	44.179.913.151

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hiển khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm sẽ đáo hạn ngày 01 tháng 9 năm 2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi với lãi suất 4,7%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là các bên thứ ba		
Công ty TNHH Hệ thống Điện GE Việt Nam	29.079.843.417	32.902.457.057
EGL Waste Services Pty Ltd	23.291.802.936	-
Khách hàng khác	60.656.048.059	23.538.097.520
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	133.468.566.329	133.570.538.166
	246.496.260.741	190.011.092.743

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	8.006.087.689	8.006.087.689
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dầu khí Bình Chuẩn	3.794.025.076	-
Công ty Cổ phần Phát triển và Công nghệ TPP	-	5.142.741.920
Imodco Terminals S.A	-	2.533.882.470
Các khách hàng khác	4.955.785.986	6.439.806.343
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	302.520.714	165.048.322
	17.058.419.465	22.287.566.744

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	20.768.621.261	12.428.214.373
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	9.484.582.978	9.484.582.978
Đối tượng khác	11.284.038.283	2.943.631.395
Phải thu khác	18.425.891.820	15.882.807.589
Ký cược, ký quỹ	16.019.753.360	12.755.817.484
Đối tượng khác	2.406.138.460	3.126.990.105
	39.194.513.081	28.311.021.962
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (*)	11.516.550.273	11.516.550.273
	13.516.550.273	13.516.550.273

(*) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông ("Elcom") thể hiện số tiền mà Công ty đã chi hộ cho Elcom trong quá trình thực hiện dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol ("Bio Ethanol"). Khi dự án Bio Ethanol được quyết toán với chủ đầu tư, khoản phải thu này sẽ được bù trừ với giá trị phần khối lượng công việc lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 21.542.185.474 VND (xem Thuyết minh 18 bên dưới) mà Elcom thực hiện cho dự án này dưới hình thức hợp đồng nhà thầu phụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Elcom và Công ty chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị khối lượng công việc thực hiện với chủ đầu tư.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50.122.286.602	-	49.267.134.841	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	192.782.167.624	-	163.622.693.295	-
	242.904.454.226	-	212.889.828.136	-

(*) Chi tiết của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	6.016.141.164	6.016.141.164
Dự án Gia công GE Dolna Odra	55.348.141.946	34.975.771.970
Dự án Mua sắm thiết bị Bình Sơn	-	6.361.822.475
Dự án Kho chứa LNG Thị Vải	25.844.551.459	57.060.157.305
Dự án Gia công kết cấu thép cho Baltec IES (8800)	25,370,779,019	13.340.544.617
Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	56.823.822.166	37.749.189.807
Các dự án khác	23.378.731.870	8.119.065.957
	192.782.167.624	163.622.693.295

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	1.493.088.830	990.018.701
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	193.079.248	132.347.325
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	770.885.509	876.586.356
	2.457.053.587	1.998.952.382
b. Dài hạn		
Duy tu, nạo vét Bến số 1,2 - Cảng Dung Quất	59.148.434	2.203.220.699
Sửa chữa, cải tạo xưởng cơ khí, văn phòng	2.466.370.420	5.878.484.690
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	15.124.715.924	12.378.495.570
	17.650.234.778	20.460.200.959

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	269.070.165.802	93.828.275.233	498.657.286.026	5.588.987.526	2.273.291.865	869.418.006.452
Tăng trong năm	-	1.825.236.918	4.514.836.618	2.795.104.364	-	9.135.177.900
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.898.264.842	-	-	-	1.898.264.842
Số dư cuối năm	269.070.165.802	97.551.776.993	503.172.122.644	8.384.091.890	2.273.291.865	880.451.449.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	181.519.273.021	70.341.665.088	379.895.305.633	4.724.230.722	2.138.495.956	638.618.970.420
Khấu hao trong năm	11.733.016.152	8.805.931.391	29.490.428.059	639.930.597	132.373.236	50.801.679.435
Số dư cuối năm	193.252.289.173	79.147.596.479	409.385.733.692	5.364.161.319	2.270.869.192	689.420.649.855
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	87.550.892.781	23.486.610.145	118.761.980.393	864.756.804	134.795.909	230.799.036.032
Tại ngày cuối năm	75.817.876.629	18.404.180.514	93.786.388.952	3.019.930.571	2.422.673	191.030.799.339

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 219.037.701.291 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 170.522.931.490 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.142.661.029
Tăng trong năm	1.200.500.000
Số dư cuối năm	<u>5.343.161.029</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	2.692.026.377
Khấu hao trong năm	467.146.789
Số dư cuối kỳ	<u>3.159.173.166</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>1.450.634.652</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.183.987.863</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 2.753.058.029 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.664.298.029 đồng).

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

Đây là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol (“Nhà máy Bio Ethanol”). Dự án này cơ bản đã hoàn thành khối lượng, đang thực hiện công tác bàn giao và quyết toán với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện khoản chi phí tương ứng với 5% giá trị hợp đồng với chủ đầu tư. Khoản 5% giá trị này sẽ được ghi nhận sau khi hoàn thành công tác bàn giao và quyết toán dự án theo quy định của hợp đồng.

Theo đó, giá trị thu hồi của khoản chi phí này sẽ tùy thuộc vào giá trị quyết toán của dự án. Tại ngày lập báo cáo này, việc quyết toán dự án vẫn chưa hoàn thành.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trang trí cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	5.880.355.437	5.880.355.437
Dự án mua cầu trục	1.071.068.953	1.071.068.953
Dự án mở rộng Xưởng cơ khí Dung Quất	8.948.032.336	954.490.472
Dự án nâng cấp nền bãi tại Dung Quất	1.557.076.591	1.557.076.591
Dự án khác	-	659.339.490
	<u>17.456.533.317</u>	<u>10.122.330.943</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vũ Trịnh Gia Bảo	20.137.180.414	-
Shandong Runnh Power Plant Engineering Technology	12.412.834.224	11.864.316.748
Khác	158.691.569.359	171.169.246.869
	191.241.583.997	183.033.563.617
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	39.677.468.444	35.295.191.857
	230.919.052.441	218.328.755.474

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên thứ ba		
Cục Xăng dầu- Tổng cục Hậu cần	23.804.431.928	-
Khác	76.415.905	117.627.675
	23.880.847.833	117.627.675
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	66.577.046.734	74.778.296.054
	90.457.894.567	74.895.923.729

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp /thu trong năm VND	Số đã thực nộp /thu trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	(2.771.746.172)	4.501.858.997	4.001.828.301	(2.271.715.476)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.524.528.082	5.113.306.218	3.622.335.359	3.015.498.941
Thuế thu nhập cá nhân	274.415.378	1.185.113.862	1.354.320.422	105.208.818
Thuế xuất nhập khẩu	-	54.460.231	54.460.231	-
Thuế nhà đất	-	276.609.000	276.609.000	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	(972.802.712)	11.136.348.308	9.314.553.313	848.992.283
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.771.746.172			2.271.715.476
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.798.943.460			3.120.707.759

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả dự án Bio Ethanol (*)	28.562.027.135	28.562.027.135
Chi phí các dự án Đơn hàng cung cấp nhân lực và kỹ thuật	5.292.986.373	-
Chi phí phải trả dự án Baltec	1.059.310.694	-
Chi phí dự án Kho chứa LNP Thị Vải	-	405.623.600
Chi phí phải trả khác	3.382.594.760	1.559.690.988
	38.296.918.962	30.527.341.723

(*) Bao gồm giá trị của khối lượng công việc lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 21.542.185.474 VND mà Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông ("Elcom") thực hiện cho dự án này dưới hình thức hợp đồng nhà thầu phụ.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	30.315.308.221	30.315.308.221
Phải trả lương nhân viên	15.167.108.835	19.906.285.862
Alfa Laval (India) Limited	3.497.414.292	1.864.449.770
Các khoản khác	6.557.561.776	3.760.924.437
	55.537.393.124	55.846.968.290
b. Dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	358.891.628.649	358.891.628.649

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	300.000.000.000	4.707.250.551	(220.056.759.951)	84.650.490.600
Lợi nhuận trong năm	-	-	19.765.938.678	19.765.938.678
Số dư đầu năm này	<u>300.000.000.000</u>	<u>4.707.250.551</u>	<u>(200.290.821.273)</u>	<u>104.416.429.278</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.054.948.840	21.054.948.840
Số dư cuối năm này	300.000.000.000	4.707.250.551	(179.235.872.433)	125.471.378.118

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn góp của Công ty là 300 tỷ đồng, tương đương 30.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<u>Tỉ lệ (%)</u>	<u>Vốn đã góp VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	95,2	285.581.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	3,3	10.000.000.000
Người lao động Công ty	1,5	4.419.000.000
	100	300.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ ("USD")	650.901	862.868

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hiện đang cung cấp các dịch vụ chính như sau:

- i. Dịch vụ xây lắp và cung cấp thiết bị bao gồm dịch vụ cơ khí và xây lắp cho các dự án công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, bảo trì và thay thế phụ tùng cho các nhà máy lọc dầu;
- ii. Dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan khác như dịch vụ lai dắt, dịch vụ hàng hải, và dịch vụ hậu cần.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết minh 23 và 24 bên dưới. Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh cho tài sản và công nợ vì các tài sản được sử dụng chung cho nhiều dịch vụ của Công ty.

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý vì hầu hết các hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở Việt Nam nên không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu từ các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	686.452.505.082	508.054.691.071
Doanh thu cung cấp dịch vụ	363.871.955.794	339.677.279.606
	1.050.324.460.876	847.731.970.677
Trong đó:		
- Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	281.677.942.919	581.292.452.767

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	679.566.409.992	506.059.899.940
Giá vốn dịch vụ cung cấp	308.235.355.949	281.274.555.424
	987.801.765.941	787.334.455.364

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.941.961.101	210.264.553.518
Chi phí nhân công	157.045.928.779	162.012.115.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.268.826.224	52.508.297.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.047.655.178	391.649.992.426
Chi phí khác bằng tiền	6.415.879.912	6.234.168.083
	1.026.720.251.194	822.669.127.011

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	449.665.001	809.918.771
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.232.108.725	449.513.964
	2.681.773.726	1.259.432.735

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương nhân viên quản lý	20.130.886.470	18.659.834.078
Dịch vụ mua ngoài	10.838.997.671	8.577.338.552
Chi phí khấu hao	2.244.156.859	2.319.529.954
Chi phí khác	5.704.444.253	5.777.969.063
	38.918.485.253	35.334.671.647

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	26.338.877.688	24.930.215.582
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	299.330.623	1.153.018.746
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.071.677.219)	(13.862.340)
Thu nhập tính thuế	25.566.531.092	26.069.371.988
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập	5.113.306.218	5.213.874.398



	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	170.622.630	(49.597.494)
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	170.622.630	(49.597.494)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	21.054.948.840	19.765.938.678
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.054.948.840	19.765.938.678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	702	659

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.444.034.000	4.976.034.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Từ 1 năm trở xuống	5.972.034.000	5.444.034.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.124.136.000	12.908.136.000
Trên 5 năm	3.078.534.433	3.269.180.017
	16.174.704.433	21.621.350.017

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.070 m² tại vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Trích sao bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận ngày 04 tháng 01 năm 2004 với giá thuê 23.184 đồng/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký giữa Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC") với thời hạn 40 năm tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2004. Lô đất này đã được chuyển cho Công ty sử dụng từ năm 2004. Căn cứ theo Điều 20 của Quyết định số 323/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2010 thì Công ty sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê cho phần đất được sử dụng.
- Tổng số tiền thuê Bến số 2 – Bến cảng Dung Quất. Hợp đồng thuê bến cảng được ký giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC") với Công ty cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Cam kết chi tiêu vốn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị các hợp đồng mua sắm, xây dựng tài sản nhưng chưa thực hiện	24.896.664.758	43.954.847.571

Cam kết vay

Trong năm 2022, Công ty có ký hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với tổng hạn mức tín dụng là 170 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và L/C là 50 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh (không gồm bảo lãnh thanh toán) là 120 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 8 tháng 02 năm 2022 đến ngày 8 tháng 02 năm 2023, lãi suất từ 5,85%/năm đến 10,1%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số hạn mức tín dụng có thể được sử dụng là 170 tỷ đồng.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP (PVE)	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Công Nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Đông Nam Bộ	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Quảng Ngãi	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Dịch vụ Cảng Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN

10011
CH
CÔNG
KIỂM
ĐE
VII
101-1

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa Dầu Bình Sơn	133.220.413.767	219.429.246.428
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	136.430.150.982	354.678.486.731
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	9.054.629.358	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	2.859.755.445	3.851.444.720
Các bên liên quan khác	112.993.367	3.333.274.697
	281.677.942.919	581.292.452.576
Mua hàng		
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	5.608.096.816	5.598.089.058
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	51.650.034.402	32.305.629.933
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu Khí	3.549.000.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa Dầu Bình Sơn	2.166.033.420	268.750.000
Các bên liên quan khác	4.979.136.835	24.913.235.352
	67.952.301.473	63.085.704.343

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	96.792.903.591	109.219.982.395
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	34.301.094.802	23.788.899.441
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	2.134.908.065	-
Các bên liên quan khác	239.659.871	561.656.330
	133.468.566.329	133.570.538.166
Phải thu ngắn hạn khác		
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	9.484.582.978	9.484.582.978
	9.484.582.978	9.484.582.978
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	17.991.816.573	17.991.816.573
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	5.685.240.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	4.627.436.048	4.627.436.048
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung tại Quảng Ngãi	2.476.825.645	2.781.537.305
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.230.843.057	4.525.691.029
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	1.056.458.700	-
Công ty liên quan khác	5.608.848.421	5.368.710.902
	39.677.468.444	35.295.191.857
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	10.386.398.095	16.442.917.277
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	45.816.725.642	45.816.725.642
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	10.373.922.997	10.373.922.997
Công ty liên quan khác	-	2.144.730.138
	66.577.046.734	74.778.296.054

2500-
 NHÀ
 ỨNG DỤNG
 M T O
 LOIT
 T N
 P. HỒ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	389.206.936.870	389.206.936.870
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sửa chữa Công trình Dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam	137.472.392 165.048.322	- 165.048.322
	302.520.714	165.048.322

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên Hội đồng Quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Hồng Phong	Giám đốc	-	-
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc (từ nhiệm Giám đốc ngày 31 tháng 12 năm 2022)	666.269.231	661.270.859
Ông Nguyễn Văn Chinh	Phó Giám đốc	410.561.538	451.272.269
Ông Ngô Tấn Quảng	Phó Giám đốc	461.446.154	496.784.321
Ông Nguyễn Tấn Tĩnh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Phan Thị Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
		1.658.276.923	1.729.327.449

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.239.996.800 đồng (2021: 849.306.520 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu "Tiền thu từ đi vay" và "Tiền trả nợ gốc vay" cùng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 43.275.931.616 đồng (năm 2021: 0 đồng).




 Hồ Vũ Duy
 Người lập biểu


 Trịnh Lương Một
 Kế toán trưởng



 Lê Hồng Phong
 Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /TTr-DKQN-BKS

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC;

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:
 - Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho Đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
 - Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam;
 - Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán;
 - Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty;
 - Đáp ứng được yêu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của Công ty;
 - Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Công ty.
2. Đề xuất cụ thể về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập
 - Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHCĐ thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn Đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, bao gồm:
 - + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 - + Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam;
 - + Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - + Công ty TNHH KPMG Việt Nam.


- Kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD ;
- Lưu: VT, NTT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hồ Thị Kim Ánh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/TTr-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2022

Theo Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán và phát hành, một số chỉ tiêu tài chính của năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,00	300,00	100
+	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300,00	300,00	100
+	Vốn điều lệ cuối năm	Tỷ đồng	300,00	300,00	100
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	300,00	300,00	100
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	742,00	1.050,32	141,55
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,90	26,34	101,70
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	20,72	21,05	101,59
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,91	7,02	101,59
+	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	%	6,91	7,02	101,59
+	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ cuối năm	%	6,91	7,02	101,59
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	0	0	0

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của PTSC Quảng Ngãi đạt 21,05 tỷ đồng, nhưng vẫn chưa bù đắp được hết các khoản lỗ của các năm trước. Lỗ lũy kế đến hết năm



2022 là: 179,24 tỷ đồng. Vì vậy, PTSC Quảng Ngãi không còn lợi nhuận để trích lập các Quỹ.

3. Kế hoạch tài chính năm 2023

3.1 Kế hoạch tài chính năm 2023

Kế hoạch tài chính năm 2023 cụ thể như sau:

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	900,00
1.1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	899,00
1.2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,50
1.3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,50
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,60
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	10,50

3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023

Căn cứ vào thực tế kết quả SXKD và tình hình tài chính năm 2023 của Công ty, HĐQT sẽ báo cáo phương án phân phối lợi nhuận của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban GD, Ban KS;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trần Toàn



Số: 45 /TTr-DKQN -HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc ký kết Hợp đồng với Người có liên quan năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ Báo cáo đề xuất số 328/BC-DKQN ngày 06/03/2023 của Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (Công ty) về việc ký kết Hợp đồng với Người có liên quan,

Căn cứ điểm a khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và điểm o khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty quy định trường hợp Công ty ký kết Hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo báo cáo tài chính, tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 909.145.106.920 đồng. Do đó, Hợp đồng mà Công ty sẽ ký kết với Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cổ đông sở hữu trên 95% tổng số cổ phần phổ thông) có giá trị khoảng 1.058.788.000.000 đồng (chiếm 116% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính năm 2022) thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Với căn cứ trên và Bản thảo Hợp đồng dự kiến sẽ ký kết giữa Công ty với Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty PTSC) về việc thuê cơ sở hạ tầng, quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I, Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo và đề xuất Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

1. Tóm tắt các nội dung chính của Hợp đồng:

- 1.1 Chủ thể Hợp đồng: Tổng công ty PTSC và PTSC Quảng Ngãi.
- 1.2 Đối tượng Hợp đồng: Tổng công ty PTSC cho PTSC Quảng Ngãi thuê trọn gói cơ sở hạ tầng của Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I (Bến số 3) sau khi hoàn thành việc đầu tư để quản lý, vận hành khai thác, cung cấp dịch vụ.
- 1.3 Phạm vi công việc: PTSC Quảng Ngãi thực hiện các công việc gồm:
 - Thuê trọn gói cơ sở hạ tầng của Bến số 3 sau khi hoàn thành việc đầu tư để quản lý, vận hành khai thác, cung cấp dịch vụ đảm bảo hiệu quả, an toàn, an ninh và tuân thủ các quy định theo pháp luật hiện hành.



- Quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 và chủ động triển khai việc cải tạo, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm bổ sung các hạng mục trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong thời gian thực hiện Hợp đồng bằng chi phí của PTSC Quảng Ngãi.
- 1.4 Giá trị Hợp đồng: Tổng giá trị Hợp đồng tạm tính (chưa VAT): 1.058.788.000.000 đồng. Chi tiết như Phụ lục số 02 – Bản Dự thảo Hợp đồng đính kèm.
- 1.5 Đơn giá Hợp đồng:
- a) Đơn giá cho thuê Bến số 3 được xác định trên nguyên tắc đảm bảo các chỉ tiêu tối thiểu của Dự án đầu tư Bến số 3 như sau:
 - Tổng giá trị đầu tư Bến số 3 trước thuế = giá trị đầu tư mới trước thuế + giá trị tài sản còn lại của phần hiện hữu;
 - NPV (giá trị hiện tại ròng của Dự án đầu tư Bến số 3) > 0;
 - IRR (tỷ suất hoàn vốn nội bộ của Dự án đầu tư Bến số 3) > IRRmin (10,24%).
 - b) Trên cơ sở nguyên tắc quy định nêu trên, đơn giá cho thuê Bến số 3 tạm tính được xác định theo công thức như sau:
 - Trả nợ gốc hằng năm cho phần vốn vay (tạm tính 70% giá trị đầu tư mới);
 - Trả lãi vay hằng năm cho phần vốn vay (tạm tính 70% giá trị đầu tư mới);
 - Thu hồi vốn đầu tư (trích thu hồi từ năm thứ 6, phân bổ trong 25 năm);
 - Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu: 03 năm đầu không trả; năm 04 – 06 trả 5%; năm 07 – 15 trả 15%; các năm sau còn lại trả 10%, đảm bảo chi phí sử dụng vốn 10% trong 30 năm;
 - Chi phí quản lý của Tổng công ty PTSC: 390 triệu đồng/năm.Đơn giá cho thuê Bến số 3 tạm tính được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm theo Dự thảo Hợp đồng này.
 - c) Đơn giá cho thuê Bến số 3 chính thức sẽ được hai Bên xác định, thống nhất và bổ sung Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng sau khi Tổng công ty PTSC hoàn thành việc quyết toán Dự án đầu tư Bến số 3 và được xác định để đảm bảo theo nguyên tắc quy định nêu trên.
 - d) Đơn giá cho thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được tính đủ một năm. Trong trường hợp thời gian thuê không đủ một năm, đơn giá cho thuê năm đó được tính theo số ngày thực tế nhân với đơn giá cho thuê năm đó chia cho 365 ngày hoặc chia cho 366 ngày (năm có 366 ngày).
 - e) Đơn giá cho thuê sẽ được xem xét điều chỉnh khi có những thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành giá cho thuê hoặc khi có sự thỏa thuận điều chỉnh giữa hai Bên.
- 1.6 Chi phí quản lý, bảo dưỡng sửa chữa, vận hành khai thác Bến số 3 của PTSC Quảng Ngãi:
- Ngoài khoản chi phí phải trả theo quy định tại khoản 1.5 Điều 1 của Báo cáo này, PTSC Quảng Ngãi phải chịu trách nhiệm chi trả các chi phí sau:
- Chi phí bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục công trình hàng năm;
 - Chi phí bảo hiểm tài sản hàng năm;

- Chi phí thuê khu đất hàng năm bao gồm cả phần diện tích đất và diện tích mặt nước theo quy định của Cơ quan quản lý Nhà nước;
- Chi phí duy tu nạo vét hàng năm;
- Chi phí mua sắm bổ sung các hạng mục công trình phương tiện, thiết bị để phục vụ kinh doanh khai thác cảng của PTSC Quảng Ngãi;
- Các chi phí dịch vụ đầu vào, khấu hao tài sản cố định của PTSC Quảng Ngãi, nhân công, chi phí quản lý, chi phí điện nước sinh hoạt, các khoản thuế, phí và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật nhằm quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 để cung cấp dịch vụ cho khách hàng;
- Các chi phí xin cấp và duy trì các giấy phép, giấy chứng nhận cũng như tất cả các chi phí liên quan khác (nếu có) để đảm bảo quản lý, bảo dưỡng sửa chữa, vận hành và khai thác Bến số 3 an toàn, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

1.7 Thời hạn Hợp đồng: 30 năm kể từ ngày hoàn thành, bàn giao công trình Bến số 3 đưa vào sử dụng.

1.8 Ngày ký Hợp đồng dự kiến: ngày 15/04/2023.

2. Hiệu quả kinh tế:

2.1 Doanh thu khai thác (30 năm) : 4.633.773.571.000 đồng.

2.2 Lợi nhuận trước thuế (30 năm) : 969.161.282.000 đồng.

2.3 Lợi nhuận sau thuế (30 năm) : 755.329.025.000 đồng.

Chi tiết như Bảng tính toán hiệu quả khai thác đính kèm.

3. Thực trạng khai thác của Bến số 3 trong những năm gần đây:

Tổng công ty PTSC giao PTSC Quảng Ngãi quản lý, điều hành, khai thác từ ngày 11/09/2014 với cầu cảng hiện hữu là 90 mét, độ sâu mực nước trước cầu Cảng < -4m (âm bốn mét). Để đảm bảo khai thác, PTSC Quảng Ngãi đã phối hợp với Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty cải tạo, nạo vét và xin các thủ tục liên quan để khai thác tạm. Sản lượng hàng hóa của Bến số 3 trong những năm qua cụ thể như sau:

Stt	Loại hàng hóa qua bến	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	Sản lượng	Tấn	600.507	228.695	179.201	180.730	254.495
1	Hàng bao	Tấn	7.512	30.380	47.448	78.819	46.726
2	Hàng rời	Tấn	497.783	128.073	109.729	92.599	191.580
3	VLXD	Tấn	95.212	70.242	22.023	9.311	16.189
II	Doanh thu	Tỷ đồng	24,700	10,650	5,390	8,450	10,550
III	Lợi nhuận	Tỷ đồng	2,714	1,232	0,425	0,378	2,330

Hiện nay khách hàng có xu hướng sử dụng tàu lớn hơn 3.000DWT để giảm chi phí vận chuyển ngày càng tăng, Cảng đã nhiều lần phải từ chối tiếp nhận tàu có mớn nước lớn hơn 4,5m, khó giữ chân những khách hàng đã gắn bó lâu dài, cũng như những khách hàng mà PTSC Quảng Ngãi đã mất nhiều thời gian để Marketing, đưa

35
NG
PH
CH
U
ANG
PT
NGAI

được về để khai thác. Đặc biệt về việc tiếp tục xin phép gia hạn khai thác tạm hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, do quy định mới có nhiều thay đổi và không cho phép.

4. Dự báo nhu cầu hàng hóa qua Cảng trong thời gian đến:

Hiện nay, tại KKT Dung Quất đã có hơn 140 dự án đã được cấp phép hoặc chấp thuận đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 10,3 tỷ USD. Một số nhà máy quy mô lớn đã được hoàn thành và đang hoạt động: Nhà máy lọc dầu Dung Quất với công suất 6,5 triệu tấn dầu thô/năm và sẽ được mở rộng lên công suất 10 triệu tấn dầu thô/năm; Nhà máy công nghiệp nặng Doosan - Vina; Nhà máy đóng tàu Dung Quất; Nhà máy Polypropylene. Một số dự án lớn tại KKT Dung Quất đang triển khai và chuẩn bị triển khai như: Dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Dự án khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy điện General Electric, các Nhà máy may mặc, giày da, chế biến thủy sản đưa vào hoạt động ở khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP Quảng Ngãi)... Trong quá trình đầu tư xây dựng các dự án trên cần khối lượng vật tư, vật liệu rất lớn, khi đi vào hoạt động cần phải nhập nguyên liệu và xuất sản phẩm với khối lượng lớn.

Để Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư xây dựng Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I, Công ty PTSC Quảng Ngãi tiến hành công tác nghiên cứu chi tiết về thị trường hàng hóa qua các bến cảng của PTSC Quảng Ngãi đang quản lý và khai thác (Bến số 1 và Bến số 3) với 2 mặt hàng chính là hàng gỗ dăm mảnh xuất khẩu và các mặt hàng tổng hợp khác.

Thị trường xuất khẩu dăm gỗ: Các khách hàng truyền thống xuất khẩu dăm gỗ qua cảng của PTSC Quảng Ngãi (Bến số 1) bao gồm: Group Pisico, Group PP, Group Nhất Hưng, Group Hào Hưng và các doanh nghiệp khác với tổng khối lượng xuất khẩu hàng năm năm 2019 là 2,06 triệu tấn, 2020 là 1,78 triệu tấn, 2021 là 2,12 triệu tấn. Trên cơ sở dự báo về khả năng rừng nguyên liệu tại khu vực, khả năng bốc xếp của các bến cảng trong khu vực và các nhóm khách hàng dự báo nhu cầu xuất khẩu dăm gỗ tại Khu bến cảng Dung Quất I như sau:

Stt	Hạng mục	2025 (tấn/năm)	2030 (tấn/năm)	Ghi chú
I	Nhóm khách hàng			
1	Nhóm Pisico	2.500.000	3.200.000	Bến của PTSC Quảng Ngãi
2	Nhóm PP	510.000	680.000	
3	Nhóm Nhất Hưng	1.400.000	1.700.000	
4	Nhóm Hào Hưng	3.000.000	3.500.000	
5	Nhóm khách hàng khác	90.000	120.000	
	Tổng cộng	7.500.000	9.200.000	
II	Sản lượng phân bổ cho các bến cảng			
1	Bến số 1	1.500.000	1.900.000	Bến của PTSC Quảng Ngãi
2	Bến số 2	1.500.000	1.900.000	Bến của Gemandep

3	Bến số 3	1.500.000	1.900.000	Bến của PTSC Quảng Ngãi
4	Bến cảng Hào Hung	3.000.000	3.500.000	Bến của Hào Hung
	Tổng cộng	7.500.000	9.200.000	

Theo chiến lược phát triển của PTSC Quảng Ngãi, Bến số 1 sau này sẽ sử dụng để gia công chế tạo tổ hợp, load out các cấu kiện cơ khí có kích thước và trọng lượng lớn phục vụ cho hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí trong khu vực cũng như xuất khẩu; do đó Bến số 3 sẽ đảm nhận một phần lượng hàng của Bến số 1. Trên cơ sở dự báo năng lực bốc xếp hàng thương mại tổng hợp qua các bến cảng thuộc Khu bến cảng Dung Quất I, quy mô của các bến từ đó dự báo nhu cầu hàng hóa tổng hợp qua Bến số 1 và Bến số 3 của PTSC Quảng Ngãi giai đoạn đến năm 2025 là 1.350.000 tấn/năm (Bến số 1 là: 700.000 tấn/năm, Bến số 3 là: 650.000 tấn/năm); giai đoạn đến năm 2030 là 1.500.000 tấn/năm (Bến số 1 là: 900.000 tấn/năm, Bến số 3 là: 600.000 tấn/năm). Từ phân tích trên, dự báo nhu cầu hàng hóa qua Bến số 3 như sau:

- Giai đoạn đến năm 2025 là:	2.050.000	tấn/năm
+ Hàng dăm gỗ xuất khẩu:	1.500.000	tấn/năm
+ Hàng thương mại tổng hợp:	650.000	tấn/năm
- Giai đoạn đến năm 2030 là:	2.500.000	tấn/năm
+ Hàng dăm gỗ xuất khẩu:	1.900.000	tấn/năm
+ Hàng thương mại tổng hợp:	600.000	tấn/năm

5. Sự cần thiết phải ký Hợp đồng

Dự kiến, thời gian đến sẽ có nhiều Dự án tiềm năng như: Mở rộng NMLD Dung Quất, các Nhà máy điện khí tại Quảng Nam và Dung Quất, Kho ngầm Dung Quất, Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn, các Dự án Dầu khí ở Khu vực miền Trung và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý định hướng phát triển xây dựng Dung Quất sẽ trở thành Trung tâm năng lượng Quốc gia,... Cùng với đó, Dự án Khu Dịch vụ Cơ khí Dầu khí Dung Quất (13,4ha) đang được triển khai, đây là cơ hội để PTSC Quảng Ngãi đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ, năng lực cạnh tranh và đón đầu cơ hội kinh doanh, tận dụng cơ hội thị trường.

Nắm bắt được nhu cầu và xu hướng thị trường trong thời gian đến, Tổng công ty PTSC đã lập và phê duyệt Dự án đầu tư theo Quyết định số 79/QĐ-PTSC ngày 09/02/2023 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng “Bến số 3 - Khu Bến cảng Dung Quất I”, với:

- Tổng mức đầu tư Dự án: **379.064.955.000 VNĐ** (đã bao gồm thuế VAT).
- Mục tiêu đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu có trọng tải đến 50.000 DWT hoặc lớn hơn nhằm nâng cao năng lực thông qua hàng hóa và khả năng cạnh tranh của Tổng công ty PTSC/PTSC Quảng Ngãi, đồng thời phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu Bến cảng Dung Quất I đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tại văn bản số 14674/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2018.
- Tiến độ thực hiện Dự án: **2023-2025**.

Từ các đánh giá, phân tích nêu trên cho thấy việc ký Hợp đồng thuê Bến số 3 sẽ mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, đáp ứng được yêu cầu thị trường, nhu cầu sản xuất kinh doanh, làm tăng thị phần của PTSC Quảng Ngãi tại khu vực, nâng cao năng lực xếp dỡ và năng lực cạnh tranh của PTSC Quảng Ngãi trong thời gian đến.

6. Đề xuất

Theo quy định trên, Hợp đồng ký kết với Tổng công ty PTSC là ký kết với Người có liên quan và có giá trị Hợp đồng (1.058.788.000.000 đồng) lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (tổng tài sản của Công ty năm 2022 là 909.145.106.920 đồng) nên phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Vì vậy, nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện đầy đủ hồ sơ pháp lý của Hợp đồng nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các Hợp đồng về việc thuê, quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 - Khu Bến Cảng Dung Quất I với nội dung chính như Bản thảo Hợp đồng kèm theo và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định toàn bộ các sửa đổi, bổ sung, công việc phát sinh liên quan đến quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng này nhằm đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Xin chân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc Cty (để biết);
- Lưu: VT, KH, TK HĐQT (01b).

Tài liệu gửi kèm:

- Dự thảo Hợp đồng.
- Bảng tính toán hiệu quả khai thác của PTSC Quảng Ngãi;
- Quyết định số 79/QĐ-PTSC ngày 9/2/2023;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trần Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
VỀ VIỆC CHO THUÊ, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC
BẾN SỐ 3 – KHU BẾN CẢNG DUNG QUẤT I

(Số: ____ -2023/PTSC-KHĐT/HĐ)

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Hợp đồng về việc cho thuê, quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 – Khu Bến Cảng Dung Quất I này (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được lập và có hiệu lực kể từ ngày ____ tháng ____ năm 2023 bởi và giữa các Bên:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
(sau đây gọi tắt là “Bên A”)

Địa chỉ : Lầu 5, Toà nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 39102828

Fax: 028 39102929

Mã số thuế : 0100150577

Đại diện : Ông Trần Hoài Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số: 224/UQ-PTSC ngày 24 tháng 02 năm 2023)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC
(sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Địa chỉ : Lô 4H, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : 0553 827492

Fax: 0553 827507

Mã số thuế : 4300351623

Đại diện : Ông Lê Hồng Phong

Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi riêng là “Bên” hoặc gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên”)

Hai Bên đồng ý, thống nhất ký Hợp đồng với các điều khoản chi tiết như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho Hợp đồng này:

1.1 “**Bên A**” là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

1.2 “**Bên B**” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC;

1.3 “**Bến số 3**” là toàn bộ cơ sở hạ tầng Bến số 3 - Khu Bến Cảng Dung Quất I tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm các hạng mục công trình dự kiến đầu tư như Phụ lục số 01;



- 1.4 “**Hạng mục**” là hạng mục công trình dự kiến đầu tư tại Bến số 3 - Khu Bến Càng Dung Quất I;
- 1.5 “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch, bao gồm ngày nghỉ và ngày lễ theo quy định của Nhà nước;
- 1.6 “**Bên thứ ba**” được hiểu là bất cứ tổ chức hoặc cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- 1.7 “**Dịch vụ**” được hiểu là các dịch vụ mà Bên B cung cấp cho khách hàng tại Bến số 3;
- 1.8 “**Bảo dưỡng sửa chữa**” là hoạt động cải tạo, duy tu, bảo trì, sửa chữa các hạng mục của công trình Bến số 3 – Khu Bến Càng Dung Quất I nhằm đảm bảo việc vận hành khai thác được an toàn, hiệu quả;
- 1.9 “**Đầu tư**” là hoạt động bỏ vốn để thực hiện nâng cấp, xây mới các công trình, mua sắm các máy móc, trang thiết bị phục vụ khai thác Bến số 3 - Khu Bến Càng Dung Quất I.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- a) Điều kiện và điều khoản của Hợp đồng;
- b) Phụ lục Hợp đồng
 - Phụ lục số 01: Các hạng mục công trình dự kiến đầu tư tại Bến số 3;
 - Phụ lục số 02: Đơn giá Hợp đồng tạm tính;
 - Các Phụ lục khác (nếu có).
- c) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Phạm vi Hợp đồng

- 3.1. Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê trọn gói cơ sở hạ tầng của Bến số 3 sau khi hoàn thành việc đầu tư để quản lý, vận hành khai thác, cung cấp dịch vụ đảm bảo hiệu quả, an toàn, an ninh và tuân thủ các quy định theo pháp luật hiện hành.
- 3.2. Bên A đồng ý cho Bên B quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 và chủ động triển khai việc cải tạo, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm bổ sung các hạng mục, trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong thời gian thực hiện Hợp đồng bằng chi phí của Bên B.
- 3.3. Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B thay mặt Bên A thực hiện các thủ tục pháp lý nhằm đảm bảo việc quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 được an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn Hợp đồng

- 4.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Các Bên hoàn tất mọi nghĩa vụ, trách nhiệm quy định trong Hợp đồng. Thời gian Bên A cho Bên B thuê Bến số 3 để quản lý, vận hành khai thác là 30 năm kể từ ngày hoàn thành, bàn giao công trình Bến số 3 đưa vào sử dụng (sau đây gọi là “Thời hạn Hợp đồng”).

- 4.2. Sau khi hết thời hạn Hợp đồng, Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B thuê nếu Bên B có nhu cầu với giá ưu đãi.

Điều 5. Đơn giá Hợp đồng

- 5.1 Đơn giá cho thuê Bến số 3 được xác định trên nguyên tắc đảm bảo các chỉ tiêu tối thiểu của Dự án đầu tư Bến số 3 như sau:

- Tổng giá trị đầu tư Bến số 3 trước thuế = giá trị đầu tư mới trước thuế + giá trị tài sản còn lại của phần hiện hữu;
- NPV (giá trị hiện tại ròng của Dự án đầu tư Bến số 3) > 0;
- IRR (tỷ suất hoàn vốn nội bộ của Dự án đầu tư Bến số 3) > IRR_{min} (10,24%).

- 5.2 Trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Khoản 5.1, Điều 5 nêu trên, đơn giá cho thuê Bến số 3 tạm tính được xác định theo công thức như sau:

- Trả nợ gốc hàng năm cho phần vốn vay (tạm tính 70% giá trị đầu tư mới);
- Trả lãi vay hàng năm cho phần vốn vay (tạm tính 70% giá trị đầu tư mới);
- Thu hồi vốn đầu tư (trích thu hồi từ năm thứ 6, phân bổ trong 25 năm);
- Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu: 03 năm đầu không trả; năm 04 – 06 trả 5%; năm 07 – 15 trả 15%; các năm sau còn lại trả 10%, đảm bảo chi phí sử dụng vốn 10% trong 30 năm;
- Chi phí quản lý của Bên A: 390 triệu đồng/năm.

Đơn giá cho thuê Bến số 3 tạm tính được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm theo Hợp đồng này.

- 5.3 Đơn giá cho thuê Bến số 3 chính thức sẽ được Hai Bên xác định, thống nhất và bổ sung Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng sau khi Bên A hoàn thành việc quyết toán Dự án đầu tư Bến số 3 và được xác định để đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Khoản 5.1, Điều 5 nêu trên.

- 5.4 Đơn giá cho thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được tính đủ một năm. Trong trường hợp thời gian thuê không đủ một năm, đơn giá cho thuê năm đó được tính theo số ngày thực tế nhân với đơn giá cho thuê năm đó chia cho 365 ngày hoặc chia cho 366 ngày (năm có 366 ngày).

- 5.5 Đơn giá cho thuê sẽ được xem xét điều chỉnh khi có những thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành giá cho thuê hoặc khi có sự thỏa thuận điều chỉnh giữa Hai Bên.

Điều 6. Thanh toán

- 6.1 Bên B thanh toán cho Bên A định kỳ hàng quý (03 tháng một lần) trên cơ sở hồ sơ thanh toán mà Bên A phát hành vào các ngày cuối cùng của quý. Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán.

- 6.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- 6.3 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VNĐ).

- 6.4 Hồ sơ thanh toán gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán: 01 bản gốc;

- Hóa đơn tài chính: 01 bản gốc.

Điều 7. Chi phí quản lý, bảo dưỡng sửa chữa, vận hành khai thác Bến số 3 của Bên B

Ngoài khoản chi phí phải trả theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, Bên B phải chịu trách nhiệm chi trả các chi phí sau:

- Chi phí bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục công trình hàng năm;
- Chi phí bảo hiểm tài sản hàng năm;
- Chi phí thuê khu đất hàng năm bao gồm cả phần diện tích đất và diện tích mặt nước theo quy định của Cơ quan quản lý Nhà nước;
- Chi phí duy tu nạo vét hàng năm;
- Chi phí mua sắm, bổ sung các hạng mục công trình, phương tiện thiết bị phục vụ kinh doanh khai thác cảng của Bên B;
- Các chi phí dịch vụ đầu vào, khấu hao tài sản cố định của Bên B, nhân công, chi phí quản lý, chi phí điện nước sinh hoạt, các khoản thuế, phí và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật nhằm quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 để cung cấp dịch vụ cho khách hàng;
- Các chi phí xin cấp và duy trì các giấy phép, giấy chứng nhận cũng như tất cả các chi phí liên quan khác (nếu có) để đảm bảo quản lý, bảo dưỡng sửa chữa, vận hành và khai thác Bến số 3 an toàn, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên

8.1 Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên A

- Bên A có trách nhiệm phối hợp với Bên B làm việc với các cơ quan chức năng của Nhà nước về các thủ tục có liên quan đến tính pháp lý của Bến số 3.
- Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, Bên A không cho phép bất kỳ Bên thứ ba nào thực hiện dịch vụ tại Bến số 3 trừ khi đó là nhà thầu phụ của Bên B.
- Bên A xuất hóa đơn thanh toán theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

8.2 Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác Bến số 3 tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Bên B chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và duy trì Bến số 3 ổn định, an toàn và tự quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ trong suốt thời hạn Hợp đồng.
- Bên B tự quyết định và thực hiện mua sắm bổ sung các hạng mục công trình, máy móc, trang thiết bị phục vụ việc vận hành khai thác Bến số 3, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.
- Bên B chịu trách nhiệm bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên và bất thường Bến số 3, các hạng mục công trình, máy móc và trang thiết bị nhằm đảm bảo việc vận hành khai thác Bến số 3 được an toàn, hiệu quả.

- Bên B chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, khiếu nại, chi phí, phát sinh về người và tài sản của Bên B kể cả các nhà thầu phụ của Bên B mà nguyên nhân do lỗi của Bên B.
- Thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo quy định Hợp đồng.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.
- Bên B không được chuyển nhượng Hợp đồng hay một phần công việc của Hợp đồng cho bất kỳ Bên thứ ba nào khác.

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng

- 9.1 Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không Bên nào được quyền chấm dứt trước hạn hay hủy ngang Hợp đồng mà chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, trừ các trường hợp sau:
- (i) Một trong Hai Bên bị phá sản, giải thể hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán;
 - (ii) Trường hợp Bất khả kháng quy định tại Điều 11 của Hợp đồng;
 - (iii) Bất kỳ quy định, chính sách nào được ban hành bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát sinh sau ngày Hợp đồng có hiệu lực dẫn tới không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
- 9.2 Trong trường hợp Bên A tự ý chấm dứt trước hạn hoặc hủy ngang Hợp đồng mà chưa có sự đồng ý của Bên B, Bên A sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B. Giá trị bồi thường Hợp đồng được tính bằng chi phí thiệt hại thực tế của Bên B phải gánh chịu do việc chấm dứt Hợp đồng của Bên A gây ra.
- 9.3 Trong trường hợp Bên B tự ý chấm dứt trước hạn hoặc hủy ngang Hợp đồng mà chưa có sự đồng ý của Bên A, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A một khoản phạt tương đương với 6 tháng tiền thuê như quy định tại Điều 5, đồng thời bồi thường thiệt hại cho Bên A. Giá trị bồi thường Hợp đồng được tính bằng chi phí thiệt hại thực tế của Bên A phải gánh chịu do việc chấm dứt Hợp đồng của Bên B gây ra.
- 9.4 Khoản tiền phạt do hủy Hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi chấm dứt Hợp đồng; các khoản bồi thường sẽ được thanh toán trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi hai Bên thống nhất xong chi phí bồi thường.

Điều 10. Quy định về an toàn, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy

- 10.1 Bên B, bao gồm các nhân viên, đại lý cũng như các khách mời, nhà thầu phụ của Bên B khi làm việc trong Bến số 3 phải tuyệt đối tuân thủ an toàn theo quy định của Nhà nước và Khu kinh tế Dung Quất.
- 10.2 Bên B phải bảo đảm các nhân sự làm việc trong Bến số 3 phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: mũ bảo hộ, giày bảo hộ, quần áo lao động, các trang thiết bị bảo hộ và an toàn lao động khác đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định hiện hành.
- 10.3 Bên B chịu trách nhiệm quản lý an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ cho toàn bộ con người và tài sản tại Bến số 3.

- 10.4 Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho người, tài sản của Bên B theo quy định của pháp luật.
- 10.5 Bên B phải nghiêm túc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và an toàn lao động khi thực hiện dịch vụ tại Bến số 3.
- 10.6 Bên B phải tuân thủ việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định pháp luật, quy định của các cơ quan chức năng của Nhà nước và quy định của Khu kinh tế Dung Quất.
- 10.7 Bên B chịu trách nhiệm trang bị và bảo trì thường xuyên các thiết bị chữa cháy chuyên dụng tại Bến số 3 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B.

Điều 11. Bất khả kháng

- 11.1 Khi xảy ra những sự việc bất ngờ, ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và làm cho Các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này (được gọi là “Bất khả kháng”), khoảng thời gian quy định cho việc thực hiện những nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng sẽ được kéo dài bằng khoảng thời gian Bất khả kháng. Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn những sự việc sau:
 - Việc ban hành các quy định, chính sách của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau ngày Hợp đồng có hiệu lực làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng của Các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn đến việc cung ứng hoặc sử dụng nhân lực nguyên vật liệu và thiết bị;
 - Chiến tranh (có thông báo hoặc không thông báo), hoặc hành động khủng bố, khởi nghĩa, nổi dậy hoặc hành động phá hoại;
 - Đình công hoặc các hành động phá hoại công nghiệp khác, trực tiếp hoặc gián tiếp;
 - Cháy nổ, lũ lụt, động đất, sự cố môi trường hoặc các thiên tai khác.
- 11.2 Nếu Bất khả kháng làm Các Bên không thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo như Hợp đồng thì Bên bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng ngay lập tức phải thông báo cho Bên kia. Bên nào chậm trễ thông báo hơn 03 (ba) ngày kể từ ngày bắt đầu Bất khả kháng sẽ mất quyền tuyên bố Bất khả kháng.
- 11.3 Các Bên sẽ cố gắng hết sức để giải quyết trường hợp Bất khả kháng trong thời gian nhanh nhất. Nếu tình trạng Bất khả kháng không thể giải quyết được, Hai Bên phải ngay lập tức gặp gỡ và tìm giải pháp giải quyết có tính tới quyền lợi của Các Bên.
- 11.4 Trong trường hợp sự kiện Bất khả kháng kéo dài hơn 180 (một trăm tám mươi) ngày, Các Bên cùng nhau bàn bạc thống nhất cách thực hiện Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng.
- 11.5 Bên tuyên bố tình trạng Bất khả kháng phải chứng minh cho Bên kia có sự việc xảy ra nếu được yêu cầu, trong đó tuyên bố việc xảy ra và thời gian kéo dài của những tình trạng trên.
- 11.6 Không Bên nào chịu trách nhiệm về mất mát hoặc tổn thất hoặc chậm trễ trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng do Bất khả kháng.
- 11.7 Các trường hợp khác phải được sự chấp thuận của Hai Bên.

Điều 12. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng và giải quyết tranh chấp

- 12.1 Luật áp dụng: Luật Việt Nam.
- 12.2 Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng và giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng: Tiếng Việt.
- 12.3 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có bất kỳ vấn đề, mâu thuẫn hoặc tranh chấp phát sinh thì Các Bên chủ động cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần thiện chí, hợp tác. Trường hợp có tranh chấp về Hợp đồng mà Các Bên không thể cùng nhau giải quyết thì Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp tại TP. Hồ Chí Minh. Án phí và các chi phí tố tụng phát sinh liên quan do Bên thua kiện chịu.

Điều 13. Điều khoản chung

- 13.1 Sau mỗi 05 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Các Bên sẽ tiến hành rà soát các điều kiện & điều khoản của Hợp đồng, xem xét sửa đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế, tình hình thị trường, hiệu quả đầu tư và tuân thủ các quy định hiện hành.
- 13.2 Tất cả các sửa đổi của Hợp đồng (nếu có) phải được thống nhất và ký kết bằng văn bản giữa đại diện có thẩm quyền của Các Bên.
- 13.3 Không Bên nào được quyền chuyển giao bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho bất kỳ Bên thứ ba nào khác nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại.
- 13.4 Hợp đồng số 413-2015/PTSC-KHĐT/HĐ ngày 16/12/2015 về việc quản lý và vận hành khai thác Bến số 2 – Cảng tổng hợp Dung Quất sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày khởi công xây dựng Bến số 3 và được thay thế bằng Hợp đồng này sau khi Bến số 3 hoàn thành công tác đầu tư và đưa vào vận hành, khai thác hoặc đến khi Hai Bên có thỏa thuận khác.
- 13.5 Hai Bên cam kết thực hiện đúng những nội dung đã quy định trong Hợp đồng này.
- 13.6 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Các Bên hoàn tất mọi nghĩa vụ, trách nhiệm quy định trong Hợp đồng.
- 13.7 Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Hoài Nam

Lê Hồng Phong

PHỤ LỤC SỐ 01

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TẠI BẾN SỐ 3

(Trong Giai đoạn 2A theo Quyết định 140/QĐ-BQL ngày 26/5/2022 của BQL KKT Dung Quất và Các KCN Quảng Ngãi)

(Kèm theo Hợp đồng số:-2023/PTSC-KHĐT-HĐ ngày .../.../20...)

STT	Hạng mục
I	Các hạng mục công trình hiện hữu: theo Phụ lục 1 của Hợp đồng số 413-2015/PTSC-KHĐT/HĐ ngày 16/12/2015.
II	Các hạng mục công trình dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2A
	Cầu cảng:
1	- Cầu chính dài 145 m rộng 24 m; - Cầu dẫn dài 147,6 m, rộng 10 m.
2	Phao neo phụ trợ
3	Phao báo hiệu hàng hải
4	Khu nhà điều hành/văn phòng (<i>cải tạo sửa chữa từ công trình hiện hữu</i>)
5	Kè bờ
6	Đường nội bộ
7	Cổng
8	Nhà bảo vệ
9	Hệ thống cấp nước sinh hoạt
10	Hệ thống thoát nước
11	Hệ thống cấp điện và chiếu sáng
12	Hệ thống PCCC, Bao gồm: hệ thống cấp nước, bể chứa nước chữa cháy, trạm bơm/máy bơm với hệ thống đường ống đến các trụ chữa cháy/đầu phun để chữa cháy cho hạng mục công trình ở vị trí xa nhất và cao nhất trong cảng, tủ/bình chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chống sét.

Ghi chú: Hạng mục tài sản chính thức của Bến số 3 sẽ căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

PHỤ LỤC SỐ 02

ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG TẠM TÍNH

(Kèm theo Hợp đồng số:-2023/PTSC-KHĐT-HĐ ngày .../.../20...)

Năm	Giá trị thanh toán (VNĐ)	Thời điểm cho thuê và kết thúc Hợp đồng
1	55.284.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 1
2	52.234.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 2
3	49.184.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 3
4	51.363.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 4
5	48.313.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 5
6	60.449.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 6
7	67.855.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 7
8	64.806.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 8
9	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 9
10	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 10
11	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 11
12	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 12
13	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 13
14	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 14
15	31.260.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 15
16	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 16
17	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 17
18	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 18
19	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 19
20	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 20
21	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 21
22	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 22
23	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 23
24	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 24
25	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 25
26	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 26
27	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 27
28	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 28
29	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 29
30	26.032.000.000	Từ 01/01 đến 31/12 năm thứ 30
Tổng cộng:	1.058.788.000.000	

TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KHAI THÁC PTSC QUẢNG NGÃI

TT	Năm của dự án	Đơn vị	Tổng cộng	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
				2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054
I	DOANH THU KHAI THÁC QN	1,000 đ	4.633.773.571			114.003.884	117.076.637	120.223.006	123.450.285	127.180.654	136.061.397	139.689.999	143.833.366	144.211.866	144.597.732	151.135.968	151.556.558	151.987.894	152.425.066	152.873.316	159.889.173	160.375.141	160.873.162	161.380.890	161.898.519	169.439.435	170.003.731	170.579.059	171.168.177	171.766.236	179.883.255	180.537.952	181.205.438	181.885.969	182.579.806
I.1	SỐ LIỆU TÍNH TOÁN																																		
I.1.1	Sản lượng hàng đầm gỗ	Tấn			1.640.859	1.690.085	1.740.787	1.793.011	1.846.801	1.902.205	1.959.271	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050
I.1.2	Sản lượng hàng Thương mại				533.083	543.745	554.620	565.712	577.026	588.567	600.338	612.345	624.592	637.084	649.826	662.822	676.078	689.600	703.392	717.460	731.809	746.445	761.374	776.602	792.134	807.976	824.136	840.619	857.431	874.580	892.071	909.913	928.111	946.673	
I.1.3	Cho thuê bãi	m2			20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
I.1.4	Số lượt tàu đầm gỗ đến bến cảng	Lượt			42	43	44	45	47	48	49	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	
I.1.5	Số lượt tàu thương mại đến bến cảng	Lượt			178	182	185	189	193	197	201	205	209	213	217	221	226	230	235	240	244	249	254	259	265	270	275	281	286	292	298	304	310	316	
II	TÍNH TOÁN DOANH THU				114.003.884	117.076.637	120.223.006	123.450.285	127.180.654	136.061.397	139.689.999	143.833.366	144.211.866	144.597.732	151.135.968	151.556.558	151.987.894	152.425.066	152.873.316	159.889.173	160.375.141	160.873.162	161.380.890	161.898.519	169.439.435	170.003.731	170.579.059	171.168.177	171.766.236	179.883.255	180.537.952	181.205.438	181.885.969	182.579.806	
II.1	Doanh thu từ đầm gỗ	1.000 đ			77.825.943	80.160.722	82.565.543	85.042.510	87.593.785	94.732.678	97.574.659	100.501.898	100.501.898	100.501.898	105.526.993	105.526.993	105.526.993	105.526.993	105.526.993	110.803.343	110.803.343	110.803.343	110.803.343	110.803.343	110.803.343	116.343.510	116.343.510	116.343.510	116.343.510	122.160.686	122.160.686	122.160.686	122.160.686	122.160.686	
II.1.1	Sản lượng hàng đầm gỗ	Tấn			1.640.859	1.690.085	1.740.787	1.793.011	1.846.801	1.902.205	1.959.271	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	2.018.050	
II.1.2	Đơn giá	1.000 đ/T	5,0%		47,43	47,43	47,43	47,43	47,43	49,80	49,80	49,80	49,80	49,80	52,29	52,29	52,29	52,29	52,29	54,91	54,91	54,91	54,91	54,91	54,91	57,65	57,65	57,65	57,65	60,53	60,53	60,53	60,53	60,53	
II.2	Doanh thu từ hàng thương mại				15.270.258	15.575.663	15.887.176	16.204.920	16.529.018	17.702.578	18.056.630	18.417.762	18.786.118	19.161.840	20.522.331	20.932.777	21.351.433	21.778.461	22.214.031	23.791.227	24.267.051	24.752.392	25.247.440	25.752.389	27.580.809	28.132.425	28.695.073	29.268.975	29.854.354	31.974.013	32.613.494	33.265.764	33.931.079	34.609.700	
II.2.1	Sản lượng hàng thương mại				533.083	543.745	554.620	565.712	577.026	588.567	600.338	612.345	624.592	637.084	649.826	662.822	676.078	689.600	703.392	717.460	731.809	746.445	761.374	776.602	792.134	807.976	824.136	840.619	857.431	874.580	892.071	909.913	928.111	946.673	
II.2.2	Đơn giá		5,0%		28,65	28,65	28,65	28,65	28,65	30,08	30,08	30,08	30,08	30,08	31,58	31,58	31,58	31,58	31,58	33,16	33,16	33,16	33,16	33,16	33,16	34,82	34,82	34,82	34,82	36,56	36,56	36,56	36,56	36,56	
III	Doanh thu từ dịch vụ cho thuê bãi				2.714.400	2.714.400	2.714.400	2.714.400	2.714.400	2.850.120	2.850.120	2.850.120	2.850.120	2.850.120	2.992.626	2.992.626	2.992.626	2.992.626	2.992.626	3.142.257	3.142.257	3.142.257	3.142.257	3.142.257	3.299.370	3.299.370	3.299.370	3.299.370	3.299.370	3.464.339	3.464.339	3.464.339	3.464.339	3.464.339	
III.1	Diện tích bãi cho thuê				20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
III.2	Đơn giá		5,0%		135,72	135,72	135,72	135,72	135,72	142,51	142,51	142,51	142,51	142,51	149,63	149,63	149,63	149,63	149,63	157,11	157,11	157,11	157,11	157,11	164,97	164,97	164,97	164,97	173,22	173,22	173,22	173,22	173,22		
III.3	Doanh thu từ dịch vụ hủ củn				18.193.283	18.625.853	19.055.886	19.488.456	20.343.451	20.776.021	21.208.590	22.063.586	22.073.730	22.083.874	22.094.018	22.104.162	22.114.306	22.124.450	22.134.594	22.144.738	22.154.882	22.164.926	22.174.970	22.184.914	22.194.958	22.204.902	22.214.946	22.224.990	22.234.934	22.244.978	22.254.922	22.264.966	22.274.910	22.284.954	22.294.998
III.3.1	Phi chủ bến đối với tàu đầm gỗ	258.912			10.874.304	11.133.216	11.392.128	11.651.040	12.168.864	12.427.776	12.686.688	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	13.204.512	
III.3.2	Phi chủ bến đối với tàu thương mại	2.160			384.480	393.120	399.600	408.240	416.880	425.520	434.160	442.800	451.440	460.080	468.720	477.360	486.000	494.640	503.280	511.920	520.560	529.200	537.840	546.480	555.120	563.760	572.400	581.040	589.680	598.320	606.960	615.600	624.240	632.880	641.520
III.3.3	Phi bước cơ dây, dò rúc tàu đầm	2.274			95.491	97.765	100.038	102.312	106.859	109.133	111.406	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	115.954	
III.3.4	Phi bước cơ dây, dò rúc tàu thương mại	376			66.928	68.432	69.560	71.064	72.568	74.072	75.576	77.080	78.584	80.088	81.592	83.096	84.600	86.104	87.608	89.112	90.616	92.120	93.624	95.128	96.632	98.136	99.640	101.144	102.648	104.152	105.656	107.160	108.664	110.168	
III.3.5	Dịch vụ tàu lái dắt tàu đầm gỗ	161.240			6.772.080	6.933.320	7.094.560	7.255.800	7.578.280	7.739.520	7.900.760	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	8.223.240	
III.4	CHI PHÍ	1.000 đ	3.664.612.289		121.852.403	120.491.456	119.208.530	125.271.519	122.100.984	138.243.127	147.630.259	148.742.660	113.442.371	113.697.454	116.291.581	118.635.200	116.842.880	117.126.810	117.416.443	117.004.510	115.243.663	115.559.748	115.882.152	118.281.713	119.121.717	119.473.588	119.832.494	122.269.312	120.572.002	123.663.899	124.063.488	126.541.777	124.886.794	125.221.756	
III.4.1	Chi phí thuế Bến				55.284.000	52.234.000	49.184.000	51.363.000	48.313.000	60.449.000	67.855.000	64.806.000	31.260.000	31.260.000	31.260.000	31.260.000	31.260.000	31.260.000	31.260.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	26.032.000	
III.4.2	Chi phí khai thác	0,03			66.568.403	68.257.456	70.024.530	73.908.519	73.787.984	77.794.127	79.775.259	83.936.660	82.182.371	82.437.454	85.031.581	87.375.200	85.582.880	85.866.810	86.156.443	90.972.510	89.211.663	89.5													



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /QĐ-PTSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
“Bến số 3 – Khu bến cảng Dung Quất I”
TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 /01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

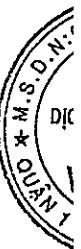
Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

1 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

T (+84) 28 3910 2828 F (+84) 28 3910 2929 www.ptsc.com.vn

PTSC-ADM-RG08-FM01

1/18



Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-DVKT ngày 09/7/2007 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí về việc phân cấp thẩm quyền trong hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 26/11/2013 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số điều trong “Quy định phân cấp thẩm quyền trong hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam”;

Căn cứ Ủy quyền số 427/UQ-PTSC ngày 14/4/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty PTSC về việc thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng do Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam làm Chủ đầu tư;

Căn cứ Công văn số 4090/UBND-CNXD ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giới thiệu vị trí nhận chìm chất nạo vét của Dự án Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I;

Căn cứ Công văn số 4548/CHHVN-KHĐT ngày 03/11/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I;

Căn cứ Công văn số 440/GY-PCCC&CNCH ngày 21/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở dự án Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-BQL ngày 17/08/2022 của BQL KKT Dung Quất và Các KCN Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I (Giai đoạn 1 và 2A);

Căn cứ Công văn số 3720/CQLXD-DADT2 ngày 12/12/2022 của Cục quản lý đầu tư xây dựng – Bộ Giao thông Vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 01/BCTĐ-KHĐT ngày 02/02/2023;

Các quy định hiện hành khác của Nhà nước;

Xét đề nghị của Ban Kế hoạch Đầu tư tại Tờ trình số 12/TTr-KHĐT ngày 02/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng “Bến số 3 – Khu bến cảng Dung Quất I” (Tên cũ: Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất) với các nội dung chính như sau:

1. **Tên dự án:** Bến số 3 – Khu bến cảng Dung Quất I.
2. **Người quyết định đầu tư:** Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
3. **Chủ đầu tư:** Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.39102828.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu có trọng tải đến 50.000 DWT hoặc lớn hơn nhằm nâng cao năng lực thông qua hàng hóa và khả năng cạnh tranh của Tổng công ty PTSC/PTSC QN, đồng thời phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Dung Quất I đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tại văn bản số 14674/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2018.

4.2. Quy mô công trình xây dựng gồm các hạng mục chính:

- Cầu cảng:
 - + Cầu chính dài 145m, rộng 24m.
 - + Cầu dẫn dài 147.6m, rộng 10m.
 - + Phao neo phụ trợ: 02 phao neo mũi lái phía Đông Nam và phía Tây Bắc.
- Kè bờ.
- Nạo vét khu nước trước bến.
- Phao báo hiệu chuyên dùng.
- Đường sau bến.
- Cổng.
- Nhà bảo vệ.
- Nhà văn phòng.
- Hệ thống PCCC.
- Hệ thống thoát nước trong cảng.

- Hệ thống xử lý nước thải.
- Nhà chứa rác thải.

4.3. Giải pháp kết cấu chính:

a) Hạng mục Cầu cảng:

❖ Giải pháp kết cấu Cầu chính:

Cầu chính có kết cấu dạng bệ cọc cao đài mềm gồm hệ dầm, bản bằng BTCT trên nền cọc khoan nhồi BTCT, kết cấu chính như sau:

- *Nền cọc:* Sử dụng cọc khoan nhồi BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) đá 1x2, đường kính D1000mm. Theo phương ngang cầu cảng có 05 hàng cọc, bước cọc theo phương ngang là 5,0m, theo phương dọc là 5,8m. Tổng số cọc cầu chính là 130 cọc. Chiều dài cọc (tính từ đáy dầm đến mũi cọc) thay đổi từ 32m đến 36m theo địa tầng khu vực.

Do địa chất khu vực xây dựng công trình có cấu tạo phức tạp, cao độ mặt đá thay đổi lớn, các lỗ khoan thăm dò thừa nên chiều dài cọc theo tính toán nội suy giữa các lỗ khoan chỉ là dự kiến. Chiều sâu khoan yêu cầu cọc ngầm sâu vào trong lớp đá số 11 tối thiểu là 2m.

- *Cọc được thi công theo phương pháp có sử dụng ống vách.* Ống vách bằng thép tấm dày 10mm, được hạ xuống đến cao trình mặt lớp đá. Trong lòng cọc khoan nhồi đặt sẵn các ống thép phục vụ quá trình thí nghiệm siêu âm, khoan lấy lõi cọc.
- *Dầm ngang:* Bằng BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) đá 1x2 đổ tại chỗ, tiết diện dầm $b \times h = 120 \times 200 \text{cm}$ (kể cả bản dày 40cm). Tại các dầm bố trí đệm va tàu, đầu dầm phía ngoài, phạm vi từ hàng cọc thứ 1 trở ra, dầm ngang được mở rộng thành tiết diện $b \times h = 220 \times 260 \text{cm}$ (kể cả bản dày 40cm).
- *Dầm dọc:* Bằng BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) đá 1x2 đổ tại chỗ, bao gồm 2 loại dầm dọc:
 - + *Dầm cần trục:* tiết diện dầm $b \times h = 150 \times 200 \text{cm}$ (kể cả bản dày 40cm), Chiều dài dầm bằng chiều dài phân đoạn cầu chính.
 - + *Dầm dọc:* tiết diện dầm $b \times h = 100 \times 160 \text{cm}$ (kể cả bản dày 40cm), Chiều dài dầm bằng chiều dài phân đoạn cầu chính.
- *Bản mặt cầu:* Bằng BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) đá 1x2 dày 40cm đổ tại chỗ. Phía trên bản mặt cầu có đổ lớp bê tông lưới thép M300 đá 1x2 dày 10÷15cm.
- *Gờ chắn xe:* Gờ chắn xe được bố trí trên tuyến mép phía trước, mép phía sau và bên hông của cầu chính (trừ các vị trí đặt bích neo và vị trí tiếp giáp cầu

257
 3TY
 NH
 THU
 H
 3M
 30

dẫn). Gờ chắn xe bằng BTCT M400 đá 1x2 đổ tại chỗ cùng với bản mặt cầu. Gờ chắn xe có tiết diện $b \times h = 25 \times 20 \text{ cm}$. Gờ chắn xe được sơn sọc vàng đen xen kẽ nhau, bề rộng 20cm/sọc.

- *Bích neo tàu*: Dọc theo tuyến bên phía ngoài bố trí 07 bích neo loại 150 tấn bằng gang đúc và phụ kiện đồng bộ nhập ngoại.
- *Đệm tàu*: Bố trí 09 bộ đệm tàu dạng hình trụ 1600H tại đầu dầm ngang. Đệm tàu và các phụ kiện đệm (xích treo, bulong...) đồng bộ nhập ngoại. Đặc trưng kỹ thuật của đệm va tàu là: Năng lượng hấp thụ $E \geq 94,39 \text{ T.m}$, phản lực khi nén $R \leq 134,35 \text{ T}$, trị số biến dạng tối hạn 52,5%.
- *Đường ray cần trục*: Đường ray cần trục được bố trí dọc phía trên 02 dầm dọc cần trục. Trong giai đoạn 1 chưa khai thác cần trục chạy trên ray, do vậy hào ray sẽ được lấp bằng bitum + sợi gai hoặc vật liệu tương tự, các lỗ bu lông ray, móc chắn ray sẽ được đặt ống nhựa chờ để thuận tiện cho bước lắp đặt sau này.
- *Tủ cáp điện cần trục*: Trong giai đoạn 1 chưa khai thác cần trục, do đó tại vị trí tủ cáp điện cần trục thi công trước hồ cáp điện và các chi tiết chờ lắp đặt giai đoạn sau (ống chờ luồn cáp đặt sẵn trong dầm cầu cảng...).

❖ Giải pháp kết cấu Cầu dẫn:

Cầu dẫn có kết cấu dạng bộ cọc cao đài mềm gồm hệ dầm bản bằng BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) trên nền cọc khoan nhồi BTCT, kết cấu chính như sau:

- *Nền cọc*: Sử dụng cọc khoan nhồi BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) đá 1x2, đường kính D800mm. Theo phương ngang cầu dẫn có 03 hàng cọc, bước cọc theo phương ngang cầu dẫn là 4,5m, bước cọc theo phương dọc 4,8÷6,0m. Tổng số cọc cầu dẫn là 102 cọc. Chiều dài cọc (tính từ đáy dầm đến mũi cọc) thay đổi từ 26m đến 33m theo địa tầng khu vực.
- *Dầm ngang*: Bằng BTCT M400 đá 1x2 đổ tại chỗ, tiết diện $b \times h = 100 \times 120 \text{ cm}$ (kể cả bản dày 40cm), riêng dầm ngang cuối cùng phía bờ được hạ thấp thành tiết diện $b \times h = 140 \times 240 \text{ cm}$ (kể cả bản dày 40cm) kết hợp làm dầm mố cầu. Chiều dài dầm ngang là 12m (bao gồm phần đỡ hệ băng tải dài 2m).
- *Dầm dọc*: Bằng BTCT M400 đá 1x2 đổ tại chỗ, tiết diện $b \times h = 100 \times 120 \text{ cm}$ (kể cả bản dày 40cm), chiều dài cầu dẫn bằng chiều dài phân đoạn cầu dẫn.
- *Bản mặt cầu dẫn*: Bằng BTCT M400 đá 1x2 dày 40cm đổ tại chỗ. Phía trên bản mặt cầu có đổ lớp bê tông lưới thép M300 đá 1x2 dày 10÷15cm.
- *Gờ chắn xe*: Gờ chắn xe được bố trí trên tuyến mép phía trước, mép phía sau và bên hông của cầu chính (trừ các vị trí đặt bích neo và vị trí tiếp giáp cầu dẫn). Gờ chắn xe bằng BTCT M400 đá 1x2 đổ tại chỗ cùng với bản mặt cầu.

Gờ chắn xe có tiết diện $b \times h = 25 \times 20 \text{ cm}$. Gờ chắn xe được sơn sọc vàng đen xen kẽ nhau, bề rộng 20cm/sọc.

❖ **Kết cấu sau dầm mô cầu:**

Để đảm bảo ổn định khu vực chuyển tiếp từ đường nội bộ lên cầu dẫn, phạm vi sau mô cầu dẫn bố trí kết cấu từ trên xuống bao gồm:

- Kết cấu mặt đường.
- Cát san lấp dầm chặt.
- Bản quá độ BTCT M400, dày 20cm.
- Vải địa kỹ thuật ngăn cách loại không dệt.
- Đá 1x2 dày 20cm.
- Đá 2x4 dày 20cm.
- Đá hộc xếp chèn đá 3 dày 100cm.
- Vải địa kỹ thuật ngăn cách loại không dệt.
- Nền đất tự nhiên sau khi đào.

❖ **Phao neo mũi lái:**

Phao neo mũi lái có 02 bộ, mỗi bộ gồm phao-xích-rùa có kết cấu chính như sau:

◆ **Phao neo:**

- + Phao neo tàu đường kính $D=3,8\text{m}$, chiều cao phao $H=1,5\text{m}$.

◆ **Xích neo:**

- + Sử dụng dây xích đường kính $\Phi 73\text{mm}$ (xích cấp III) có lực thử kéo giãn $\geq 2.790\text{KN}$, lực thử kéo đứt $\geq 3.990\text{KN}$, trọng lượng 116,7kg/m. Các phụ kiện liên kết trong dây xích được đồng bộ với xích.

◆ **Rùa neo:**

- + Mỗi cụm rùa neo gồm 02 rùa neo bằng BTCT M300 (tương đương cấp bền B22,5) đá 1x2 đúc sẵn có kích thước: $L \times B \times H = 5,0 \times 5,0 \times 1,2\text{m}$, trọng lượng 60 tấn. Rùa neo được chôn sâu dưới đất, lớp đất đắp trên lưng rùa dày tối thiểu 4,0m.

◆ **Xích neo định vị phao RN2:**

- + Sử dụng dây xích đường kính $\Phi 30\text{mm}$ (xích cấp II) có lực thử kéo giãn $\geq 368\text{KN}$, lực thử kéo đứt $\geq 514\text{KN}$, trọng lượng 19,71kg/m. Các phụ kiện

liên kết trong dây xích được đồng bộ với xích.

◆ *Rùa neo định vị phao RN2:*

- + Bảng BTCT M300 (trương đương cấp bền B22,5) đá 1x2 đúc sẵn có kích thước: $L \times B \times H = 2 \times 2 \times 1\text{m}$, trọng lượng 10 tấn. Rùa neo định vị được đặt trên mặt đất tự nhiên.

b) **Kè bờ:**

Hiện trạng tuyến kè bờ bảo vệ khu đất phía sau cầu cảng đã được xây dựng dạng mái nghiêng kết cấu bằng đá hộc, chiều dài 79,5m, bề mặt tuyến kè lồi lõm.

Để đảm bảo tính mỹ quan và các yêu cầu khai thác, tuyến kè sẽ được tiến hành chỉnh trang hoàn thiện với kết cấu bằng đá hộc (bù mái kè) để tạo mái nghiêng bằng phẳng cho mái kè hiện hữu.

c) **Nạo vét khu nước trước bến:**

❖ *Phạm vi, cao độ đáy khu nước trước bến:*

- Phạm vi khu nước trước bến giai đoạn 1 bao gồm:

- + Khu nước neo đậu tàu: tính từ tuyến mép bến ra phía sông, có kích thước trên mặt bằng $L \times B = 245 \times 60\text{m}$ được khống chế bởi các điểm KN1 đến KN4.
- + Khu nước ra luồng: có chiều rộng tính từ biên phía ngoài của khu nước neo đậu tàu ra phía ngoài là 150m, kết nối khu nước neo đậu tàu ra đến vùng quay tàu hiện hữu, được khống chế bởi các điểm KN2, KN3, KN6, KN7, KN8, KN9, KN10.
- + Tọa độ các điểm khống chế khu nước trước bến được tổng hợp trong bảng sau:

Tọa độ các điểm khống chế phạm vi khu nước trước bến

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
KN1	1.704.425,731	585.700,235	KN6	1.704.585,107	585.450,638
KN2	1.704.382,751	585.658,369	KN7	1.704.698,556	585.296,958
KN3	1.704.557,196	585.479,291	KN8	1.704.381,764	585.207,251
KN4	1.704.600,176	585.521,157	KN9	1.704.407,879	585.417,602
KN5	1.704.628,086	585.492,504	KN10	1.704.275,303	585.553,703

- Cao độ khu nước trước bến như sau:

- + Khu nước neo đậu tàu: -13,0m (Hải đồ)
- + Khu nước ra luồng: -12,0m (Hải đồ).

❖ **Mái dốc nạo vét:**

Căn cứ tài liệu địa chất khu vực và thực tế công tác nạo vét cầu cảng trong khu vực, tạm tính mái taluy nạo vét là $m=5$. Sau khi thi công sẽ căn cứ vào số liệu thực tế để tính toán mái taluy nạo vét và khối lượng nạo vét thực tế.

❖ **Khối lượng nạo vét:**

- Khối lượng nạo vét: Căn cứ vào phạm vi nạo vét, cao độ đáy nạo vét, mái dốc nạo vét và cao độ tự nhiên khu nước, với cách tính toán khối lượng nạo vét như trên, khối lượng nạo vét dự kiến là: 600.000 m³.

❖ **Vị trí đổ vật liệu nạo vét:**

Bùn đất nạo vét được vận chuyển đi nhận chìm ở ngoài biển với cự ly khoảng 11km tại vị trí đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đề xuất giới thiệu địa điểm tại Văn bản số 3746/STNMT-BHĐ ngày 11/8/2021 và đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận tại Văn bản số 4090/UBND-CNXD ngày 18/8/2021. Vị trí, ranh giới, diện tích khu vực nhận chìm vật chất nạo vét của Dự án đầu tư Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I được giới hạn bởi các điểm C1, C2, C3, C4. Tọa độ của các điểm khu vực nhận chìm như sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000			
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	X (m)	Y (m)
C1	15°26'59,62"	108°50'23,94"	1.708.776,02	590.142,83
C2	15°26'59,59"	108°50'33,44"	1.708.776,02	590.425,83
C3	15°26'50,38"	108°50'33,40"	1.708.493,02	590.425,83
C4	15°26'50,41"	108°50'23,91"	1.708.493,02	590.142,83

d) **Phao báo hiệu chuyên dùng:**

Để báo hiệu giới hạn khu nước kết nối luồng tàu vào cảng, bố trí 02 báo hiệu chuyên dùng "N1", "N2" có tọa độ vị trí như sau:

- Phao N1: X = 1.704.376,33m Y = 585.406,99m.
- Phao N2: X = 1.704.253,89m Y = 585.532,69m.

Hệ thống neo phao gồm 2 phần: xích phao và xích rùa.

e) **Đường sau bến:**

❖ **Tải trọng khai thác trên mặt đường:**

Tải trọng khai thác trên mặt đường như sau:

- Xe vận chuyển tương đương H30.
- Tải hàng hóa tương đương tải phân bố đều 2T/m².
- Cầu bánh xích tải trọng trục 13T.

❖ **Mặt bằng đường:**

Đường sau bến được bố trí kết nối từ đường bê tông sau bến hiện hữu ra đến cầu dẫn xây dựng mới.

❖ **Cao độ mặt đường:**

Trên cơ sở quy hoạch chung cao độ khu cảng, cao độ hiện trạng tuyến đường nội bộ và đường sau bến hiện hữu, lựa chọn cao độ mặt đường sau bến xây dựng mới là +4,0m (Hải đồ).

❖ **Kết cấu đường:**

Căn cứ vào yêu cầu sử dụng, tải trọng khai thác, điều kiện khai thác, tài liệu địa hình, địa chất tại khu vực, kết cấu nền bãi được thiết kế dạng kết cấu áo cứng. Kết cấu nền đường, bãi từ trên xuống dưới bao gồm các lớp như sau:

- Tấm BTXM M300 (tương đương cấp bền B22,5) đá 1x2 đổ tại chỗ, dày 25cm.
- Giấy dầu lót tạo phẳng.
- Đá dăm cấp phối loại 1, dày 30cm.
- Vải địa kỹ thuật ngăn cách loại không dệt.
- Nền sao đào bóc, san gạt, lu lèn đảm bảo $K \geq 0,98$.

Trước khi thi công các lớp kết cấu bên trên, nền bãi hiện hữu được san gạt, tạo phẳng theo độ dốc thiết kế và lu lèn đạt độ chặt yêu cầu.

f) **Công:**

- Công rộng 15m được thiết kế nhằm kiểm soát sự lưu thông qua lại giữa khu cảng và các khu vực xung quanh.
- Công được bố trí 04 bộ barrier điện, chiều dài $L=3,5m$ trên bề bê tông kích thước $L \times B \times H = 50 \times 50 \times 30cm$, cấu tạo bằng bê tông M200 (tương đương cấp bền B15) đá 1x2.

g) Nhà bảo vệ:

- Nhà bảo vệ có các thông số kỹ thuật như sau:

- + Chiều dài (tính trực) : 3,8m.
- + Chiều rộng (tính trực) : 2,8m.
- + Chiều cao trong nhà (từ nền nhà đến trần) : 2,9m.
- + Chiều cao toàn nhà (từ mặt bãi đến đỉnh mái) : 3,3 m.

❖ *Kết cấu móng:*

- Sử dụng giải pháp móng nông bằng BTCT M250 (tương đương cấp bền B20) đá 1x2. Kích thước móng LxBxH= 1,0x1,0x0,2m, số lượng: 04 móng.
- Dầm móng D1, D2: kích thước tiết diện bxbh = 20x30cm.

❖ *Kết cấu thân nhà:*

- Kết cấu bộ khung chịu lực bằng BTCT M250 đá 1x2 đổ tại chỗ.
- Cột kích thước bxbh = 20x20cm, chiều cao đầu cột 3,2m, số lượng 04 cột.
- Dầm sàn mái kích thước tiết diện bxbh = 20x30cm.
- Bản sàn mái bằng BTCT M250 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 10cm.

❖ *Bao che:*

- Kết cấu nền nhà từ trên xuống dưới gồm các lớp như sau:
 - + Lát gạch Ceramic 40x40cm bằng VXM M75.
 - + Lớp BT M200 đá 1x2 dày 15cm.
 - + Lớp BT lót M100 đá 4x6 dày 10cm.
 - + Kết cấu nền bãi.
- Kết cấu mái từ trên xuống dưới bao gồm các lớp sau:
 - + Gạch 4 lỗ xếp thông tâm.
 - + Vữa XM M75 tạo độ dốc $\geq 2\text{cm}$.
 - + Quét Flinkote 03 lớp chống thấm.
 - + Bản sàn BTCT M250 dày 10cm.
 - + Vữa trát trần M75 dày 15mm.
 - + Sơn nước 03 lớp (01 lớp lót + 02 lớp phủ).

- Bao che: tường bao che xây gạch ống dày 20cm bằng VXM M75 trên mặt dầm móng.
- Hệ thống cửa: cửa khung nhôm kính.
- Hệ thống chiếu sáng sử dụng trong nhà bao gồm:
 - + Đèn chiếu sáng sử dụng 01 đèn neon 40W-220V, L = 0,6m (loại đơn).
 - + Toàn bộ hệ thống điện trong nhà được điều khiển bằng hệ thống MCB, công tắc, ổ cắm..., các thiết bị điều khiển điện được lắp đặt cách nền nhà 1,5m.

h) Nhà văn phòng:

- Nhà văn phòng cảng được sửa chữa, cải tạo từ nhà cấp 4 hiện hữu, tổng diện tích sàn sử dụng khoảng 280m², trong đó bố trí các văn phòng làm việc, phòng họp, thư viện, phòng máy tính, nhà vệ sinh, ... phục vụ cho cán bộ công nhân viên làm việc.
- Nhà văn phòng có các thông số cơ bản sau:
 - + Chiều dài : 19,14 ÷ 20,45m.
 - + Chiều rộng : 6,3 ÷ 6,8m.
 - + Chiều cao (tính đến đỉnh cột) : 6,0m.
- Toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm kính. Tường bao che bên ngoài và tường ngăn bên trong xây bằng gạch ống dày 15cm. Tường ngoài và tường ngăn bên trong sơn màu.

i) Hệ thống PCCC:

Sử dụng hệ thống bể chứa nước, bơm nước chữa cháy kết hợp với hệ thống đường ống đến các trụ chữa cháy để chữa cháy cho hạng mục công trình ở vị trí xa nhất và cao nhất trong cảng.

j) Hệ thống thoát nước trong cảng:

- Hệ thống thoát nước sử dụng hệ thống hố ga và cống ngầm kết hợp. Trên toàn bộ tuyến bố trí 33 hố ga BTCT M400 (tương đương cấp bền B30) kích thước b x l x h = 1,8 x 1,8 x 2,68m. Tại các vị trí hố ga bố trí các tuyến cống ngầm BTCT đường kính D800 thoát ra 03 cửa xả phía sông, độ dốc cống 0,2%.
- Nắp hố ga có kết cấu bằng bằng thép tấm dày 8mm và thép Φ10-AI liên kết bằng đường hàn. Tấm nắp hố ga có kích thước b x l = 158 x 158cm, dày 10mm.

k) Hệ thống xử lý nước thải:

C. T. U. T. H. N. H. P.

- Nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt (Nhà văn phòng, nhà canteen,...), nước thải trong quá trình sản xuất (tại các khu vực kho, xưởng...) được thu gom về trạm xử lý thông qua hệ thống ống HPDE D200. Nước sau xử lý đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn sẽ được thoát ra sông.

l) Nhà chứa rác thải:

❖ Quy mô:

- Nhà chứa rác được xây dựng chủ yếu bằng khung thép dạng tiền chế với các thông số cơ bản sau:

- + Chiều dài (tìm trục) : 12m.
- + Chiều rộng (tìm trục) : 4m.
- + Bước gian theo phương dọc : 4m.

❖ Giải pháp kết cấu:

Sử dụng giải pháp kết cấu móng bằng BTCT B30 đổ tại chỗ kết hợp tường xây gạch bao quanh, mái tôn.

4.4. Các giải pháp bảo vệ:

Giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng và trong giai đoạn khai thác.

Giải pháp phòng chống cháy nổ trong giai đoạn vận hành và khai thác.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, lập Thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (CMB).

Địa chỉ: Tầng 12 tháp Tây, Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

Đại diện hoạt động theo ủy quyền doanh nghiệp là: Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Hàng hải.

Địa chỉ: 123 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Tp HCM.

6. Đơn vị tư vấn thẩm tra dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Phát triển Thiên Nam.

Địa chỉ: Số 28/26 phố Chùa Hà, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

VPGD: Ngõ 63/2 Lê Đức Thọ, Tổ dân phố số 4 Phú Mỹ, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

7. **Cơ quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông - Bộ Giao thông vận tải.

8. **Địa điểm xây dựng:** Tại vịnh Dung Quất thuộc xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

9. **Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:**

Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, dự án nhóm B;

Loại và cấp công trình chính: Công trình hàng hải, cấp I.

10. **Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

Số bước thiết kế: 2 bước (Thiết kế cơ sở; Thiết kế bản vẽ thi công);

Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Ký hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
I.	QCVN	Các Quy chuẩn áp dụng trong thiết kế
1	QCVN 01:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
2	QCVN 02:2009/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng
3	QCVN 03:2012/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị
4	QCVN 06:2022/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho Nhà và Công trình
5	QCVN 07:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị
6	QCVN 16:2019/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
7	QCVN 18:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng
8	QCVN 07:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
9	QCVN 19:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
10	QCVN 107:2021/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển

TT	Ký hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
11	QCVN 20:2015/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải
12	QCVN 01:2020/BCT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện
13	QCVN QTĐ- 8:2010/BCT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện
14	QCVN 07-4: 2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông
15	QCVN 21:2015/BGTVT; Sửa đổi 1:2016 QCVN 21:2015/BGTVT; Sửa đổi 2:2017 QCVN 21:2015/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép
16	QCVN 72:2014/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và chế tạo phao neo, phao tín hiệu
17	QCVN 02:2020/BCA	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước chữa cháy
18	QCVN 06:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình
II.		Tiêu chuẩn thiết kế
19	TCVN 11820- 1:2017	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế Phần 1: Nguyên tắc chung
20	TCVN 11820- 2:2017	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế Phần 2: Tải trọng và tác động
21	TCVN 11820-3: 2019	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 3: Yêu cầu về vật liệu
22	TCVN 11820-4: 2020	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 4-1: Nền móng, Phần 4-2: Cải tạo đất
23	TCVN 11820- 5:2021	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 5: Công trình bến
24	TCCS 04- 2010/CHHVN	Tiêu chuẩn cơ sở - Tiêu chuẩn thiết kế công nghệ cảng biển

TT	Ký hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
25	TCVN 11419:2016	Luồng tàu biển – Yêu cầu thiết kế
26	TCVN 2737-1995	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
27	TCVN 4253-2012	Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế
28	TCVN 9379:2012	Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán
29	TCVN 9362:2012	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình
30	TCVN 4116:1985	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công
31	TCVN10304:2014	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế
32	TCVN 9396:2012	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm.
33	TCVN 9346:2012	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển
34	TCVN 12041:2017	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép -Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực
35	TCVN 5574:2018	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế
36	TCVN 9386:2012	Thiết kế công trình chịu động đất
37	TCVN 5575:2012	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế
38	TCVN 3890:022	Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí
39	TCVN 3254:1989	An toàn cháy - Yêu cầu chung
40	TCVN 5738:2021	Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật
41	TCVN 5760:1993	Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng
42	TCVN 7336:2021	Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt
43	TCVN 4756:1989	Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện
III.		Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu
44	TCVN 5637:1991	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản
45	TCVN 4252:2012	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công - Quy phạm thi công và nghiệm thu

TT	Ký hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
46	TCVN 4447:2012	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu
47	TCVN 4516:1988	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu
48	TCVN 4453:1995	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu
49	TCVN 1651:2018	Thép cốt bê tông cán nóng
50	TCVN 5640:1991	Bàn giao công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản
51	TCVN 7570:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật
52	TCVN 8228:2011	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên
53	TCVN 9115:2019	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu
54	TCVN 9343:2012	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Hướng dẫn công tác bảo trì
55	TCVN 9361:2012	Thi công và nghiệm thu công tác nền móng
56	TCVN 9394:2012	Đóng và ép cọc - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu
57	TCXD 88-82	Cọc - Phương pháp thí nghiệm hiện trường
58	TCVN 9395:2012	Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu
59	TCVN 9397:2012	Cọc - Thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ
60	TCVN 2622:1995	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế
61	TCVN 5738:2021	Hệ thống báo cháy. Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng
62	TCVN 5760:1993	Hệ thống chữa cháy. Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng
63	TCVN 3890:2022	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình. Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng
64	TCVN 7336:2021	Hệ thống sprinkler tự động-Yêu cầu thiết kế và lắp đặt
65	TCCS 02:2015/CHHVN	Công tác nạo vét - Thi công và nghiệm thu.
IV.		Các tiêu chuẩn về khai thác, bảo trì
66	TCVN 13330:2021	Công trình cảng biển – Yêu cầu bảo trì
67	109/QĐ-CHHVN	Quy định kỹ thuật khai thác bến

TT	Ký hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
	2005	
68	TCCS 03-2010/CHHVN	Tiêu chuẩn cơ sở - Quy trình khai thác kỹ thuật công trình cảng biển và khu nước
69	TCVN 9343-2012	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Hướng dẫn công tác bảo trì
V.		Một số tiêu chuẩn, tài liệu được dùng để tham khảo
70	BS 6349:1988	Tiêu chuẩn Anh về kết cấu hàng hải: "British Standard Code of practice for: Maritime structures
71	BS 8110:1985	Tiêu chuẩn Anh về kết cấu bê tông: "British Standard: Structural use of concrete" BS 8110.
72	BS 8004:1986	Tiêu chuẩn Anh hướng dẫn về thực hành nền móng: "British Standard: Structural use of concrete" BS 8110.
73	JIS 5335-1987	Tiêu chuẩn kỹ thuật Nhật Bản về cọc BCT dự ứng lực " Pretensioned spun concrete Pile"
74	PIANC-2002	Hướng dẫn thiết kế đệm tàu "Guidelines for the design of the fender systems:2002"
75	PIANC-1997	Hướng dẫn thiết kế luồng tàu "Approach channel - Guide for the Designed"
76	И-3ПД-70	Bộ quốc phòng Nga. Chỉ dẫn tính toán ngoại lực hệ thống neo ụ nổi. (Tài liệu dịch tiếng Việt)

11. Tổng mức đầu tư Dự án: 379.064.955.000 VNĐ (đã bao gồm VAT).

(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi chín tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng Việt Nam).

Trong đó:

Đơn vị tính: VNĐ

+ Chi phí xây dựng	:	293.265.334.000
- Các công trình thủy công	:	270.390.492.000
- Các công trình trên bờ	:	22.874.842.000
+ Chi phí Quản lý dự án	:	4.556.897.000
+ Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	:	15.649.859.000
+ Chi phí khác	:	17.693.418.000
+ Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	:	22.431.794.000
+ Chi phí dự phòng	:	25.467.653.000

12. Tiến độ thực hiện Dự án: 2023-2025.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu 30%, Vốn vay 70%.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư và Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (TQT).

Handwritten mark

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature



Trần Hoài Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **46** /TTr-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày **13** tháng **4** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về Công tác nhân sự của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, liên quan đến các nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo một số nội dung như sau:

Nhân sự HĐQT Công ty gồm có ba (03) thành viên:

Stt	HĐQT	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1.	Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch HĐQT	2021 – 2026
2.	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	2021 - 2026
3.	Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên HĐQT	2022 - 2027

Trong đó:

Ngày 20/12/2022, Công ty đã nhận được Đơn xin thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Trần Toàn,

Ngày 20/12/2022, Công ty đã nhận được Đơn xin thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Dương Hùng Văn,

Nhân sự Ban kiểm soát (BKS) gồm có ba (03) thành viên:

Stt	Ban kiểm soát	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1.	Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng BKS	2020- 2025
2.	Bà Phan Thị Thùy Trang	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2021- 2026
3.	Ông Nguyễn Tấn Tinh	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	2018 - 2023

Ông Nguyễn Tấn Tinh – Kiểm soát viên sẽ hết nhiệm kỳ từ ngày 20/03/2023. Tính đến thời điểm 20/03/2023, Tổng số Thành viên trong BKS đương nhiệm sẽ giảm quá số lượng tối thiểu so với quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ông Nguyễn Tấn Tinh đã hoàn thành nhiệm vụ, tuân thủ đúng các quy định và góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty.

Để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như duy trì hoạt động của HĐQT, BKS và trên cơ sở tổng hợp giới thiệu nhân



sự đủ tiêu chuẩn và điều kiện đảm nhiệm thành viên HĐQT, BKS thì HĐQT kính đề xuất các nội dung liên quan đến công tác nhân sự của HĐQT, BKS PTSC Quảng Ngãi như sau:

Stt	Nội dung đề xuất	Cổ đông giới thiệu
1	Chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT PTSC Quảng Ngãi đối với Ông Nguyễn Trần Toàn theo nguyện vọng cá nhân.	
2	Chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị PTSC Quảng Ngãi đối với Ông Dương Hùng Văn theo nguyện vọng cá nhân.	
3	Chấp thuận cho Ông Lê Hồng Phong tham gia vào HĐQT và giữ chức vụ Thành viên HĐQT PTSC Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2023-2028 (kiêm nhiệm).	- Tên cổ đông: Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. - Số cổ phần sở hữu: 28.558.100 cổ phần. - Tỷ lệ sở hữu: 95,19% vốn điều lệ
4	Chấp thuận cho Ông Nguyễn Khắc Dũng tham gia vào HĐQT và giữ chức vụ Thành viên HĐQT PTSC Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2023-2028 (kiêm nhiệm).	- Thời gian sở hữu: liên tục trên 6 tháng.
5	Chấp thuận cho Ông Nguyễn Tấn Tinh tiếp tục giữ chức vụ Kiểm soát viên tại PTSC Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2023-2028 (kiêm nhiệm).	

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung đề xuất nêu trên tại Đại hội này theo trình tự thủ tục quy định tại Quy chế làm việc đã thông qua.

(Các thông tin, tài liệu liên quan chi tiết như đính kèm)

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS; Ban Giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Đơn xin thôi giữ chức vụ của Ông Nguyễn Trần Toàn và Ông Dương Hùng Văn;
- Lý lịch trích ngang của Ông Lê Hồng Phong;
- Lý lịch trích ngang của Ông Nguyễn Khắc Dũng;
- Lý lịch trích ngang của Ông Nguyễn Tấn Tinh;
- Bảng tự nhận xét, đánh giá quá trình công tác.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trần Toàn

SƠ YẾU LÝ LỊCH (TRÍCH NGANG)

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH		
Họ và tên	: LÊ HỒNG PHONG	Giới tính: Nam
Ngày sinh	: 08/09/1979	Nơi sinh: Thanh Hóa
Dân tộc	: Kinh	Tôn giáo: Không
Nguyên quán	: Hoằng Khánh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	
Trú quán	: 40 Trần Công Hiến, Tổ 7, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.	
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản lý kinh tế	
Ngày vào Đảng	: 10/08/2011	Ngày chính thức: 10/08/2012
Lý luận chính trị	: Sơ cấp	
Thương binh	: Không	Gia đình liệt sỹ: Không
Chức vụ Đảng	: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ	
Chức vụ hiện tại	: Giám đốc - Công ty PTSC Quảng Ngãi	
QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO		
10/2012-11/2014	Thạc sỹ Quản lý kinh tế - Đại học Mỏ Địa chất Hà Nội	
09/1998-12/2002	Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Trường Đại học Ngoại Thương	
2007	Chứng chỉ Nghiệp vụ đấu thầu - Trung tâm Đào tạo - Nghiên cứu khoa học tổ chức và quản lý	
2012	Chứng chỉ ISO 9001:2008 Quality Management Systems Auditor/Lead Auditor - DNV Business Assurance	
10/2015-10/2015	Chứng chỉ Kỹ năng chuyên hóa tư duy giải quyết vấn đề và quản trị tinh giản - BIZMIND & PORLI - Công ty TNHH Quản lý KNV	
2015	Chứng nhận Advanced Contract Management - Trueventus	
08/12- 10/12/2016	Chứng nhận Văn hóa doanh nghiệp - Công ty TNHH MTV Dịch vụ tư vấn nhỏ và vừa Bảo Ngân Khoa	
2017	Chứng nhận Kỹ năng đánh giá hiệu quả công việc thông qua BSC và KPI - Công ty TNHH MTV Dịch vụ tư vấn nhỏ và vừa Bảo Ngân Khoa	
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC		
08/2002 - 09/2003	: Chuyên viên kinh doanh - Công ty TNHH Dệt May Thái Tuấn	
10/2003 - 05/2006	Chuyên viên phòng mua hàng -> Trưởng bộ phận mua hàng - Công ty TNHH Thiên Hòa	
06/2006 - 02/2008	Chuyên viên Phòng thương mại -> Phó Phòng thương mại - Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí hàng hải (PTSC M&C)	
03/2008 - 03/2012	Phó phòng Thương mại - Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC Quảng Ngãi)	
03/2012 - 07/2022	Trưởng phòng Thương mại - PTSC Quảng Ngãi	
07/2022 - 12/2022	: Phó Giám đốc - PTSC Quảng Ngãi	
01/2023 - Nay	: Giám đốc - PTSC Quảng Ngãi	

SƠ YẾU LÝ LỊCH (TRÍCH NGANG)

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH		
Họ và tên	: NGUYỄN KHẮC DŨNG	Giới tính: Nam
Ngày sinh	: 26/03/1977	Nơi sinh: Nghệ An
Dân tộc	: Kinh	Tôn giáo: Không
Nguyên quán	: Xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	
Trú quán	: 105 Hồ Biểu Chánh P9-Thành phố Vũng tàu - BRVT	
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	
Ngày vào Đảng	: 19/02/2008	Ngày chính thức: 19/02/2009
Lý luận chính trị	: -	
Thương binh	: Không	Gia đình liệt sỹ: Không
Chức vụ Đảng	: -	
Chức vụ hiện tại	: Phó Trưởng Ban Thương mại, Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty PTSC)	
QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO		
1995 - 2000	: Kỹ sư Xây dựng - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	
2002 - 2005	: Kỹ sư quản trị doanh nghiệp - Trường Đại Học Bách Khoa Hà nội	
05/2008	: Chứng chỉ Kiến thức cơ bản bảo hiểm - Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	
08/2005	: Chứng chỉ Nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình - Trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành xây dựng	
09/2007	: Chứng chỉ Nghiệp vụ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý	
01/2007	: Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Trung tâm khoa học giáo dục và đào tạo Việt Nam	
2009	: Certificate of Training Basic Offshore Safety Induction and Emergency Training - PVMTC	
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC		
08/2002 - 04/2007	: Chuyên viên phòng kỹ thuật - Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	
05/2007 - 05/ 2010	: Xưởng phó Xưởng Cơ khí lắp máy - Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	
05/2010 - 08/2011	: Xưởng phó Xưởng Thiết bị Tổng hợp - Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	
09/2011 - 09/2013	: Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí lắp máy - Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	
10/2013 - 06/2022	: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	
06/2022 - Nay	: Phó Trưởng Ban thương mại, Tổng công ty PTSC	

SƠ YẾU LÝ LỊCH (TRÍCH NGANG)

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH		
Họ và tên	: NGUYỄN TẤN TỈNH	Giới tính: Nam
Ngày sinh	: 07/01/1984	Nơi sinh: Quảng Ngãi
Dân tộc	: Kinh	Tôn giáo: Không
Nguyên quán	: Bình Hòa, Bình Sơn, Quảng Ngãi	
Trú quán	: Bình Hòa, Bình Sơn, Quảng Ngãi	
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán	
Ngày vào Đảng	: 05/12/2017	Ngày chính thức: 05/12/2018
Lý luận chính trị	: -	
Thương binh	: Không	Gia đình liệt sỹ: Không
Chức vụ Đảng	: -	
Chức vụ hiện tại	: Nhân viên Nhân sự Tuyển dụng – Phòng Hành chính Nhân sự - Công ty PTSC Quảng Ngãi	
QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO		
11/2014 - 08/2016	Cử nhân Kế toán Kế toán - Trường Đại học Tài chính Kế Toán	
09/2003 - 10/2006	Cử nhân Cao đẳng Kế toán Kế toán - Trường Cao đẳng Tài chính Kế Toán III	
08/2004 - 10/2005	Kỹ thuật viên Tin học ứng dụng - Đại học Bách khoa Đà Nẵng	
04/2010 - 10/2010	Trình độ B Tiếng Anh - TT Ngoại ngữ - Tin học 3T.Gold	
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC		
02/2008 - 09/2010	:	Nhân viên Nhân sự - Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam
10/2010 - nay	:	Nhân viên Nhân sự Tuyển dụng - Phòng Hành chính Nhân sự - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI GIỮ CHỨC VỤ

Kính gửi:

- Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty);
- Tổng Giám đốc Tổng công ty;
- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi);
- Các thành viên Hội đồng quản trị PTSC Quảng Ngãi,

Tôi tên là: **Nguyễn Trần Toàn**

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1964

Trước tiên, Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành PTSC Quảng Ngãi đã tin nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện cho Tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Tôi đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT PTSC Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2021-2026 và là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PTSC Quảng Ngãi. Vì lý do phân công công việc của tổ chức và mong muốn được tập trung thời gian vào công việc được phân công, nên Hôm nay Tôi viết đơn này kính trình đến Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, chấp thuận cho Tôi **thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT PTSC Quảng Ngãi trước thời hạn và đồng thời thôi là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PTSC Quảng Ngãi.**

Nhằm duy trì ổn định các hoạt động SXKD của Công ty trong thời gian thực hiện thủ tục thì Tôi vẫn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị Công ty giao phó cho đến khi bầu được Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn mới thay thế theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Tôi xin đề cử Ông Phạm Văn Hùng - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty thay vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị PTSC Quảng Ngãi khi Tôi từ nhiệm.

Kính mong Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Trần Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI GIỮ CHỨC VỤ

Kính gửi:

- Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty PTSC;
- Hội đồng quản trị Tổng công ty PTSC;
- Tổng Giám đốc Tổng công ty PTSC;
- Hội đồng quản trị, Đại hội đồng Cổ đông Công ty PTSC Quảng Ngãi,

Tôi tên là: **Dương Hùng Văn**

Hiện đang giữ các chức vụ như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty PTSC POS, Người đại diện phần vốn (NĐDPV) của Tổng công ty PTSC tại PTSC POS – **chức trách, nhiệm vụ chính.**
- Kiêm nhiệm Thành viên HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi, NĐDPV của Tổng công ty PTSC tại PTSC Quảng Ngãi (PTSC QN).

Kể từ khi được Ban lãnh đạo Tổng công ty PTSC, Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty PTSC QN tin tưởng giao kiêm nhiệm Thành viên HĐQT của PTSC QN từ năm 2012 cho đến nay, Tôi luôn nỗ lực hoàn thành tốt các chức trách, nhiệm vụ được phân công với tinh thần cẩn trọng, trách nhiệm cao nhất, góp phần bảo toàn nguồn vốn đầu tư của Tổng công ty PTSC tại PTSC QN, duy trì sự ổn định của PTSC QN qua các năm.

Hiện nay, sau khi thực hiện công tác tái cơ cấu, Công ty PTSC POS – nơi tôi công tác chính – đang có nhiều cơ hội để phát triển mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường Trung Đông, phát triển dịch vụ mới. Tuy nhiên, bên cạnh đó, PTSC POS cũng phải đối diện với các khó khăn, thử thách rất lớn, cụ thể: sự cạnh tranh gay gắt về đơn giá với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí, sự khan hiếm công việc giá trị cao tại các lĩnh vực truyền thống, sự bất ổn về tình hình kinh tế- chính trị thế giới, diễn biến phức tạp của Dịch Covid-19... Để đảm bảo PTSC POS đạt được các mục tiêu đề ra, duy trì sự phát triển ổn định và bền vững, hoàn thành các chỉ tiêu do Tổng công ty PTSC giao, với chức trách chính là Giám đốc Công ty PTSC POS, trong thời gian này, tôi cần đầu tư toàn bộ thời gian, năng lực, tâm huyết để chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Do vậy, tôi sẽ không có đủ thời gian để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm) tại Công ty PTSC QN.

Xuất phát từ lý do trên, Tôi kính báo cáo và kính đề nghị Ban lãnh đạo Tổng công ty PTSC, ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty PTSC QN xem xét chấp thuận cho Tôi ***thôi kiêm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty PTSC QN đồng thời thôi là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty PTSC tại PTSC QN***, để tôi dành toàn bộ thời gian tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo chức trách chính được giao tại Công ty PTSC POS. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Tôi cam kết sẽ tiếp tục hoàn thành tốt các nghĩa vụ, công việc của Thành viên HĐQT Công ty PTSC QN (kiêm nhiệm).

Tôi kính mong Ban Lãnh đạo Tổng công ty PTSC, ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty PTSC QN
xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LÀM ĐƠN

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'H' followed by a horizontal line that extends to the right.

DƯƠNG HÙNG VĂN

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 02 năm 2023

BẢN TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

I. Sơ yếu về lý lịch cán bộ

- Họ và tên: Nguyễn Tấn Tình Ngày sinh: 07/01/1984
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể, kiêm nhiệm): Nhân viên Nhân sự - Tuyển dụng/Kiểm soát viên
- Đơn vị công tác hiện nay: Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

II. Nội dung tự nhận xét, đánh giá

1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và uy tín:

Quan điểm chính trị, ý thức chấp hành cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan:

- Tôi luôn có quan điểm chính trị rõ ràng, có ý thức chấp hành cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nói và làm theo quan điểm chính trị của Đảng.
- Tôi luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các chỉ thị Nghị quyết của các cấp ủy Đảng.
- Tôi luôn tuân thủ các nội quy, quy định của cơ quan đang công tác. Thực hiện nghiêm túc các quy định của đơn vị, các chủ trương và chỉ đạo của cấp trên. Gắn việc thực hiện công tác, các phong trào thi đua với việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Giữ gìn đạo đức, lối sống, thái độ và hành động quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác

- Giữ gìn đạo đức, thực hiện lối sống "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp.
- Nghiêm túc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và các cuộc vận động của Tổng công ty và Tập đoàn.
- Có thái độ, tinh thần tích cực trong công việc và luôn phấn đấu để hoàn thiện bản thân hơn.
- Bản thân luôn có ý thức đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu vén lợi ích cho bản thân và gia đình; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm, giữ gìn đúng tư cách, đạo đức và tính tiên phong của người cán bộ quản lý.

- Luôn giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức cách mạng tác phong của người quản lý, có lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn phát huy tính tiên phong gương mẫu của người

đảng viên. Luôn hoà đồng với đồng nghiệp, đối xử công bằng khách quan trong công tác, bảo vệ lợi ích, quyền lợi của tập thể, không vi phạm về những điều đảng viên không được làm.

- Trong công việc cũng như trong cuộc sống luôn luôn có ý thức đấu tranh phê bình và tự phê bình thẳng thắn. Sẵn sàng tiếp thu, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp và giải quyết các ý kiến thắc mắc.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa công hiến và hưởng thụ.

Tinh thần học tập, nâng cao trình độ, tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong trong công tác, tinh thần tự phê bình và phê bình

- Bản thân có đủ năng lực hoàn thành tốt công tác được giao, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các bằng cấp liên quan để phục vụ công việc. Luôn có tinh thần học tập, nâng cao trình độ mọi lúc mọi nơi.

- Trong công việc tôi luôn học tập những cái mới, cái hay của đồng nghiệp và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

- Đề cao tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong trong công tác.

- Với ý thức cầu tiến, tôi đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong công việc của bản thân cũng như góp ý đồng nghiệp trên tinh thần cùng nhau tiến bộ

Mối quan hệ công tác với đồng chí, đồng nghiệp, mối quan hệ với quần chúng nhân dân nơi cư trú, tín nhiệm trong Đảng và tại nơi công tác, tinh thần đoàn kết nội bộ:

- Có ý thức xây dựng mối quan hệ công tác tốt với đồng chí, đồng nghiệp. Hỗ trợ, cùng nhau đóng góp công sức vào sự phát triển của công ty. Có ý thức xây dựng tinh đoàn kết nội bộ trong công ty.

- Bản thân luôn chấp hành nghiêm chỉnh thực hiện tốt nghị quyết, chỉ thị của đơn vị. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Trong cuộc sống giản dị hoà nhập với quần chúng, gần gũi với bà con trong thôn xóm, đồng nghiệp trong cơ quan và người dân nơi cơ quan công tác.

- Thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" bằng cách làm theo trong công việc hằng ngày như thay đổi lề lối làm việc, tiết kiệm điện nước, giấy tờ, văn phòng phẩm, ...

2. Năng lực công tác, thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:

2.1. Năng lực nghiên cứu, vận dụng, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác được giao.

- Bản thân có đủ kinh nghiệm, năng lực hoàn thành tốt công tác được giao, có chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các bằng cấp liên quan để phục vụ công việc.

- Có tinh thần cầu tiến, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, công tác xây dựng Đảng:

* Với vị trí Nhân viên Nhân sự - Tuyển dụng/Kiểm soát viên:

Được phân công thực hiện công tác quản lý hành chính nhân sự tại các Đơn hàng/Dự án, các công việc chính đã thực hiện và kết quả đạt được trong thời gian qua.

- Phụ trách Hành chính Nhân sự Dự án LNG Thị Vải (11/2020~05/2022): Thực hiện công tác quản lý, điều phối và tuyển dụng đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực có chất lượng cho Dự án và sử dụng hiệu quả nguồn lực

- Phụ trách Hành chính Nhân sự các Đơn hàng/Dự án tại NMLD Dung Quất (06/2022~nay): Thực hiện công tác quản lý, điều phối và tuyển dụng đảm bảo đáp ứng đủ nguồn nhân lực có chất lượng cho Dự án và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

- Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, giám sát trong phạm vi/lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.

- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của phòng Hành chính Nhân sự.

* *Đánh giá chung về ưu điểm, khuyết điểm trong thời gian công tác:*

Ưu điểm:

- Quan điểm và phẩm chất chính trị vững vàng.
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.
- Có khả năng làm tốt công tác quản lý hành chính nhân sự.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chức trách được giao.

Khuyết điểm:

- Trên tinh thần nỗ lực, học hỏi không ngừng tuy nhiên bản thân tôi vẫn có những nhược điểm cần khắc phục như cần cải thiện tính quyết liệt, quyết đoán trong công việc. Cải thiện hơn nữa mối quan hệ với đối tác, đồng nghiệp.

- Trong quá trình công tác và sinh hoạt chưa mạnh dạn đề đạt ý kiến quan điểm vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

NGƯỜI TỰ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ



NGUYỄN TẤN TỈNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ
QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/TTr-DKQN-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC CHI TRẢ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC;

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC năm 2023,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất Kế hoạch tiền lương, mức thù lao, phụ cấp và chi phí hoạt động cho các Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi) trong năm 2023 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-DKQN-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trong đó thông qua nội dung mức thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022. PTSC Quảng Ngãi kính báo cáo tình hình thực hiện như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT, BKS Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022.

- Thành viên HĐQT: 03 người.

Trong đó: có 01 người là Thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm).

- Kiểm soát viên: 03 người.

2. Thù lao, tiền lương, phụ cấp của HĐQT, BKS

Mức thù lao, tiền lương và phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2022 của PTSC Quảng Ngãi được thể hiện chi tiết tại các Báo cáo của HĐQT, BKS.

Quy chế tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS được PTSC Quảng Ngãi xác định phù hợp với quy định hiện hành, Quy chế tiền lương của Công ty.

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023.

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023.

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

- Quy chế tiền lương và các Quy định nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.



2. Thù lao của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2023.

- Chủ tịch HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng (Nhân sự do Tổng công ty đề cử, giới thiệu và chi trả thù lao kiêm nhiệm)
- Kiểm soát viên : 2.000.000 đồng/người/tháng

Mức thù lao nêu trên là phù hợp với quy định và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của PTSC Quảng Ngãi.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trần Toàn

